Nibbānagāminipaṭipadā · Mini · Cuốn 7 / Volume 7

Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna

Pa-Auk Tawya Sayadaw

Việt

Mục lục / Contents

Để đạt trí tỉnh giác không mê mờ

Hai mươi bốn duyên Paṭṭhāna. Nhóm câu sinh lớn (4)

Nhóm câu sinh trung (4)

Nhóm câu sinh nhỏ (7)

Cảnh duyên, tám hoặc mười một loại

Nhóm vô gián, bảy loại

Nhóm sắc vật, sáu loại

Nhóm hậu sinh, bốn loại

Nhóm nghiệp dị thời, sáu loại

Nhóm sắc vật thực, ba loại

Nhóm sắc mạng quyền, ba loại

Thường cận y duyên (1)

Tóm lược ý nghĩa cốt yếu

Điều cần biết trước

Sắc do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục phát sinh thế nào

Bốn danh uẩn tái tục tam nhân cõi dục phát sinh thế nào

Sắc uẩn hữu phần trong năm uẩn hữu phần

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần

Sắc do thời tiết và vật thực sinh, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần

Yathārahaṃ — theo sức thích hợp

Bốn danh uẩn hữu phần tam nhân dục giới sinh khởi và tồn tại thế nào

Năm uẩn tử — tử tam nhân dục giới

Bốn danh uẩn tử tam nhân dục giới sinh khởi thế nào

Sắc trong lộ ngũ môn sinh khởi và tồn tại thế nào

Năm uẩn khai ngũ môn

Sắc do tâm thuộc danh uẩn khai ngũ môn sinh phát sinh và tồn tại thế nào

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn, phát sinh và tồn tại thế nào

Sắc do thời tiết và vật thực sinh, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn, phát sinh và tồn tại thế nào

Tóm lược để ghi nhớ — phân chia 54 tâm dục giới theo lộ ngũ môn

Danh uẩn khai ngũ môn

Năm uẩn nhãn thức — sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật

Sắc do thời tiết và vật thực sinh

Danh uẩn nhãn thức sinh khởi và tồn tại thế nào

Năm uẩn tiếp thọ — sắc uẩn tiếp thọ

Danh uẩn tiếp thọ

Năm uẩn suy đạc — suy đạc — sắc do tâm sinh

Danh uẩn suy đạc

Năm uẩn xác định — danh uẩn xác định — sắc do tâm sinh (sắc uẩn)

Danh uẩn xác định sinh khởi và tồn tại thế nào

Năm uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất (trong lộ ngũ môn). Sắc uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất sinh khởi và tồn tại thế nào (trong lộ ngũ môn)

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ hai (trong lộ ngũ môn)

Năm uẩn tốc hành bất thiện

Danh uẩn tốc hành bất thiện sinh khởi và tồn tại thế nào (trong lộ ngũ môn)

Năm uẩn đăng ký

Danh uẩn đăng ký hữu nhân thứ nhất. Sắc do tâm sinh phát sinh và tồn tại thế nào

Danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân sinh khởi và tồn tại thế nào

Danh uẩn đăng ký vô nhân thứ nhất. Sắc do tâm sinh phát sinh và tồn tại thế nào

Tâm thuộc lộ ý môn có tốc hành dục giới sinh khởi và tồn tại thế nào

Năm uẩn khai ý môn — danh uẩn khai ý môn

2. Nhóm cảnh

3. Nhóm vô gián

4. Nhóm sắc vật

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất hợp trí ở ý môn sinh khởi và tồn tại thế nào

Danh uẩn tốc hành đại thiện ly trí

Nhóm cảnh

Danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân

Danh uẩn của ba loại đăng ký vô nhân

Nhóm sắc vật lúc cận tử

Danh uẩn tốc hành căn tham ở ý môn

Danh uẩn tốc hành căn sân và căn si ở ý môn sinh khởi và tồn tại thế nào

Danh uẩn tốc hành sinh nụ cười trong lộ ngũ môn sinh khởi và tồn tại thế nào

Danh uẩn tốc hành sinh nụ cười ở ý môn

Danh uẩn tốc hành đại duy tác

Tốc hành an chỉ — trong lộ ý môn, tốc hành dục giới và tốc hành an chỉ

Lộ tốc hành thiện đáo đại

Lộ tốc hành thiện đáo đại khi chứng lần đầu

Lộ tốc hành thiện đáo đại khi nhập định

Danh uẩn tốc hành thiện đáo đại

Danh uẩn tốc hành duy tác đáo đại

Danh uẩn tốc hành Thánh đạo

Quả định — 20 loại tốc hành quả liền sau đạo sinh khởi thế nào
20 loại tốc hành quả trong quả định sinh khởi thế nào
Điều đặc biệt cần ghi nhớ
Suốt hành trình luân hồi
Tái tục vô nhân sinh khởi thế nào
Hữu phần vô nhân sinh khởi thế nào
Tử vô nhân sinh khởi thế nào
Tái tục nhị nhân dục giới sinh khởi thế nào
Danh uẩn hữu phần nhị nhân sinh khởi thế nào
Danh uẩn tử nhị nhân sinh khởi thế nào
Danh uẩn tái tục sắc giới sinh khởi thế nào
Hữu phần sắc giới sinh khởi thế nào
Tử sắc giới sinh khởi thế nào
Tái tục vô sắc giới sinh khởi thế nào
Hữu phần vô sắc giới sinh khởi thế nào
Tử vô sắc giới sinh khởi thế nào
Sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng
Bìa trước và bìa sau
Trang nhan đề
Pháp thí và lời nguyện
Mục lục nguyên tác · trang đầu
Mục lục nguyên tác · trang 2
Mục lục nguyên tác · trang 3
Mục lục nguyên tác · trang 4
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến
Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

Bìa trước và bìa sau

Bìa / Cover

Nibbānagāminipaṭipadā — Đường đến Niết-bàn (bản lược). Cuốn 7. Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna. Thiền sư Pa-Auk Tawya Sayadaw.

Trích Kinh Gotamakacetiyasutta.

Này các tỳ-kheo … Ta chỉ thuyết Pháp sau khi tự mình trực chứng và thấu suốt bằng trí trực chứng. Ta không thuyết Pháp khi chưa tự mình trực chứng và thấu suốt. Này các tỳ-kheo … Ta chỉ thuyết Pháp có nhân duyên, không thuyết pháp thiếu nhân duyên. Này các tỳ-kheo … Ta chỉ thuyết Pháp có năng lực loại trừ pháp đối nghịch, không thuyết pháp thiếu năng lực loại trừ pháp đối nghịch.

Này các tỳ-kheo … Ta là người chỉ thuyết Pháp sau khi tự mình trực chứng và thấu suốt bằng trí trực chứng, không thuyết khi chưa trực chứng và thấu suốt. Ta chỉ thuyết Pháp có nhân duyên, không thuyết pháp thiếu nhân duyên. Ta chỉ thuyết Pháp có năng lực loại trừ pháp đối nghịch, không thuyết pháp thiếu năng lực ấy. Ta đã ban lời giáo giới (ovāda), và cũng đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại lời chỉ dạy (anusāsanī).

Này các tỳ-kheo … các ông nên hoan hỷ chấp nhận rằng: “Đức Thế Tôn đầy đủ phẩm tính Chánh Đẳng Giác. Giáo pháp đầy đủ phẩm tính khéo thuyết. Thánh Tăng đầy đủ phẩm tính khéo hành.” Các ông nên có lòng vui thích. Các ông nên để niềm vui và hỷ thọ (somanassa) hiện khởi. Đức Phật đã dạy như vậy. (Aṅguttara, quyển 1, tr. 280.)

Trang nhan đề

Nibbānagāminipaṭipadā. Pháp hành đưa đến Niết-bàn (bản lược), Cuốn 7. Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna. Thiền sư Pa-Auk Tawya Sayadaw.

Pháp thí và lời nguyện

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti,
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti;
Sabbaratiṃ dhammarati jināti,
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti.

Pháp thí thắng mọi sự bố thí.
Vị Pháp thắng mọi hương vị.
Niềm vui trong Pháp thắng mọi niềm vui.
Sự đoạn tận ái thắng mọi khổ đau.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, dhamme hontu sagāravā.

Nguyện lời giáo huấn và giáo pháp của Đức Phật trường tồn. Nguyện mọi người tôn kính ba phương diện của Chánh pháp.

Mục lục nguyên tác · trang đầu

Đầu sách / Front matter - 3

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Để đạt trí tỉnh giác không mê mờ — 1

Hai mươi bốn duyên Paṭṭhāna. Nhóm câu sinh lớn (4) — 2

Nhóm câu sinh trung (4) — 3

Nhóm câu sinh nhỏ (7) — 4

Cảnh duyên, tám hoặc mười một loại — 6

Nhóm vô gián, bảy loại — 7

Nhóm sắc vật, sáu loại — 8

Nhóm hậu sinh, bốn loại — 8

Nhóm nghiệp dị thời, sáu loại — 9

Nhóm sắc vật thực, ba loại — 9

Nhóm sắc mạng quyền, ba loại — 9

Thường cận y duyên (1) — 10

Tóm lược ý nghĩa cốt yếu — 10

Điều cần biết trước — 12

Sắc do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục phát sinh thế nào — 13

Bốn danh uẩn tái tục tam nhân cõi dục phát sinh thế nào — 18

Sắc uẩn hữu phần trong năm uẩn hữu phần — 20

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần — 22

Sắc do thời tiết và vật thực sinh, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần — 23

Mục lục nguyên tác · trang 2

Yathārahaṃ — theo sức thích hợp — 24

Bốn danh uẩn hữu phần tam nhân dục giới sinh khởi và tồn tại thế nào — 25

Năm uẩn tử — tử tam nhân dục giới — 28

Bốn danh uẩn tử tam nhân dục giới sinh khởi thế nào — 29

Sắc trong lộ ngũ môn sinh khởi và tồn tại thế nào — 31

Năm uẩn khai ngũ môn — 32

Sắc do tâm thuộc danh uẩn khai ngũ môn sinh phát sinh và tồn tại thế nào — 32

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn, phát sinh và tồn tại thế nào — 34

Sắc do thời tiết và vật thực sinh, đồng sinh với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn, phát sinh và tồn tại thế nào — 35

Tóm lược để ghi nhớ — phân chia 54 tâm dục giới theo lộ ngũ môn — 36

Danh uẩn khai ngũ môn — 37

Năm uẩn nhãn thức — sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật — 38

Sắc do thời tiết và vật thực sinh — 39

Danh uẩn nhãn thức sinh khởi và tồn tại thế nào — 39

Năm uẩn tiếp thọ — sắc uẩn tiếp thọ — 41

Danh uẩn tiếp thọ — 43

Năm uẩn suy đạc — suy đạc — sắc do tâm sinh — 44

Danh uẩn suy đạc — 46

Năm uẩn xác định — danh uẩn xác định — sắc do tâm sinh (sắc uẩn) — 47

Danh uẩn xác định sinh khởi và tồn tại thế nào — 48

Năm uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất (trong lộ ngũ môn). Sắc uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất — 50

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất sinh khởi và tồn tại thế nào…

Mục lục nguyên tác · trang 3

… (trong lộ ngũ môn) — 52

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ hai (trong lộ ngũ môn) — 54

Năm uẩn tốc hành bất thiện — 57

Danh uẩn tốc hành bất thiện sinh khởi và tồn tại thế nào (trong lộ ngũ môn) — 57

Năm uẩn đăng ký — 59

Danh uẩn đăng ký hữu nhân thứ nhất. Sắc do tâm sinh phát sinh và tồn tại thế nào — 60

Danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân sinh khởi và tồn tại thế nào — 61

Danh uẩn đăng ký vô nhân thứ nhất. Sắc do tâm sinh phát sinh và tồn tại thế nào — 64

Tâm thuộc lộ ý môn có tốc hành dục giới sinh khởi và tồn tại thế nào — 66

Năm uẩn khai ý môn — danh uẩn khai ý môn — 67

2. Nhóm cảnh — 67

3. Nhóm vô gián — 68

4. Nhóm sắc vật — 68

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất hợp trí ở ý môn sinh khởi và tồn tại thế nào — 69

Danh uẩn tốc hành đại thiện ly trí — 72

Nhóm cảnh — 73

Danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân — 75

Danh uẩn của ba loại đăng ký vô nhân — 76

Nhóm sắc vật lúc cận tử — 77

Danh uẩn tốc hành căn tham ở ý môn — 78

Danh uẩn tốc hành căn sân và căn si ở ý môn sinh khởi và tồn tại thế nào — 82

Danh uẩn tốc hành sinh nụ cười trong lộ ngũ môn sinh khởi và tồn tại thế nào — 82

Danh uẩn tốc hành sinh nụ cười ở ý môn — 85

Danh uẩn tốc hành đại duy tác — 87

Mục lục nguyên tác · trang 4

Tốc hành an chỉ — trong lộ ý môn, tốc hành dục giới và tốc hành an chỉ — 91

Lộ tốc hành thiện đáo đại — 92

Lộ tốc hành thiện đáo đại khi chứng lần đầu — 92

Lộ tốc hành thiện đáo đại khi nhập định — 93

Danh uẩn tốc hành thiện đáo đại — 93

Danh uẩn tốc hành duy tác đáo đại — 99

Danh uẩn tốc hành Thánh đạo — 104

Quả định — 20 loại tốc hành quả liền sau đạo sinh khởi thế nào — 108

20 loại tốc hành quả trong quả định sinh khởi thế nào — 111

Điều đặc biệt cần ghi nhớ — 112

Suốt hành trình luân hồi — 121

Tái tục vô nhân sinh khởi thế nào — 122

Hữu phần vô nhân sinh khởi thế nào — 126

Tử vô nhân sinh khởi thế nào — 129

Tái tục nhị nhân dục giới sinh khởi thế nào — 131

Danh uẩn hữu phần nhị nhân sinh khởi thế nào — 133

Danh uẩn tử nhị nhân sinh khởi thế nào — 136

Danh uẩn tái tục sắc giới sinh khởi thế nào — 138

Hữu phần sắc giới sinh khởi thế nào — 142

Tử sắc giới sinh khởi thế nào — 146

Tái tục vô sắc giới sinh khởi thế nào — 148

Hữu phần vô sắc giới sinh khởi thế nào — 151

Tử vô sắc giới sinh khởi thế nào — 153

Sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng — 156

Để đạt trí tỉnh giác không mê mờ

Miến / Burmese 1

Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Evamettha khandhāyatanadhātupaccayapaccavekkhaṇavasenapi asammohasampajaññaṃ veditabbaṃ. (Chú giải Majjhima I, tr. 268.)

Ở đây, cũng nên hiểu tỉnh giác không mê mờ qua việc quán xét các uẩn, các xứ, các giới và các duyên.

Trong phần tỉnh giác không mê mờ này có bốn cách: (1) theo năm uẩn, (2) theo mười hai xứ, (3) theo mười tám giới, và (4) bằng cách khảo sát các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna.

Các vị đại chú giải sư đã chỉ dạy rằng cũng phải cố gắng thực hành theo các phương pháp ấy để đạt trí tỉnh giác không mê mờ. Theo lời chỉ dạy đó, phần Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna này trình bày cách khảo sát và phân biệt các pháp nhân bằng phương pháp của Paṭṭhāna. Phần này dành cho những người thiện muốn mở rộng trí hiểu biết bằng phương pháp thuyết giảng của Paṭṭhāna.

Chuẩn bị học và nhóm duyên câu sinh lớn

Miến / Burmese 2

Người thiện muốn học phần này cần học thuộc phần Giải thích các duyên (Paccayaniddesa) trong Paṭṭhāna Pāḷi, nghĩa Miến của phần ấy và ý nghĩa cốt yếu của chính văn. Như vậy mới có thể hiểu rõ hơn thực tính của mối liên hệ nhân quả giữa các duyên trong Paṭṭhāna. Sau khi học như vậy, hãy học thuộc thêm hai mươi bốn duyên Paṭṭhāna trình bày dưới đây.

Hai mươi bốn duyên được trình bày theo phương pháp các thế hệ thầy truyền dạy, như ghi trong bản lược giải Paṭṭhāna của Ngài Masoeyein Sayadaw, bậc trưởng lão đáng kính mang danh hiệu Abhidhajamahāraṭṭhaguru.

Namo Buddhāya.

Hai mươi bốn duyên Paṭṭhāna. Nhóm câu sinh lớn gồm bốn duyên.

Pháp trợ của câu sinh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên và bất ly duyên là:

1. Tám mươi chín tâm, năm mươi hai tâm sở, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục, trợ lẫn nhau.
2. Bốn đại chủng trợ lẫn nhau.
3. Bốn danh uẩn và sắc ý vật lúc tái tục trong cõi ngũ uẩn trợ lẫn nhau.

Pháp được trợ của nhóm câu sinh lớn và nhóm câu sinh trung

Miến / Burmese 3

4. Các danh uẩn trợ sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục. Đó là bảy mươi lăm tâm, tức các tâm ngoài bốn tâm quả vô sắc, mười tâm ngũ song thức và tâm tử của các bậc A-la-hán trong cõi ngũ uẩn, cùng năm mươi hai tâm sở, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục.
5. Bốn đại chủng trợ sắc y sinh.

Pháp được trợ là: (1) tám mươi chín tâm và năm mươi hai tâm sở, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục, được trợ lẫn nhau, (2) bốn đại chủng được trợ lẫn nhau, (3) bốn danh uẩn và sắc ý vật lúc tái tục ở cõi ngũ uẩn được trợ lẫn nhau, (4) sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục được danh uẩn trợ, (5) sắc y sinh được đại chủng trợ.

Nhóm câu sinh trung gồm bốn duyên.

Ở hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya), pháp trợ chính là các pháp trợ ở câu sinh (1), (2), (3). Pháp được trợ chính là các pháp được trợ ở câu sinh (1), (2), (3).

Ở quả duyên (vipākapaccaya), pháp trợ là: (1) ba mươi sáu tâm quả và ba mươi tám tâm sở trợ lẫn nhau, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục, (2) danh uẩn quả trợ sắc do tâm quả sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục trong cõi ngũ uẩn…

Quả duyên, tương ưng duyên, bất tương ưng duyên và nhân duyên

Miến / Burmese 4

… đó là hai mươi hai tâm quả, ngoài bốn tâm quả vô sắc, mười tâm ngũ song thức và tâm tử của các bậc A-la-hán, cùng ba mươi tám tâm sở, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục. (3) Bốn danh uẩn lúc tái tục trong cõi ngũ uẩn trợ sắc ý vật.

Pháp được trợ của quả duyên là: (1) ba mươi sáu tâm quả và ba mươi tám tâm sở, tức bốn danh uẩn trong thời bình nhật và lúc tái tục, được trợ lẫn nhau, (2) sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục được danh uẩn quả trợ, (3) sắc ý vật được danh uẩn tái tục trong cõi ngũ uẩn trợ.

Ở tương ưng duyên (sampayuttapaccaya), pháp trợ chính là các pháp trợ ở câu sinh (1). Pháp được trợ chính là các pháp được trợ ở câu sinh (1).

Ở bất tương ưng duyên (vippayuttapaccaya), pháp trợ là các pháp trợ ở câu sinh (3), (4). Pháp được trợ chính là các pháp được trợ ở câu sinh (3), (4).

Nhóm câu sinh nhỏ gồm bảy duyên. Ở nhân duyên (hetupaccaya), pháp trợ là tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.

Nhóm câu sinh nhỏ, tiếp theo

Miến / Burmese 5

Pháp được trợ của nhân duyên là tâm hữu nhân, năm mươi hai tâm sở, ngoại trừ si trong hai tâm căn si, sắc do tâm hữu nhân sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục hữu nhân.

Ở trưởng duyên (adhipatipaccaya), pháp trợ là một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát, khi đảm nhận vai trò trưởng. Pháp được trợ là năm mươi hai tâm tốc hành có thể có pháp trưởng, tức trừ hai tâm căn si và tâm sinh nụ cười, cùng năm mươi mốt tâm sở trừ hoài nghi và sắc do tâm có pháp trưởng sinh.

Ở nghiệp duyên (kammapaccaya), pháp trợ là tư. Pháp được trợ là tám mươi chín tâm, năm mươi mốt tâm sở trừ tư, sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục.

Ở vật thực duyên (āhārapaccaya), pháp trợ là xúc, tư và thức. Pháp được trợ là tám mươi chín tâm, năm mươi hai tâm sở, sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục.

Ở quyền duyên (indriyapaccaya), pháp trợ là mạng, tâm, thọ, tín, tinh tấn, niệm, nhất tâm và tuệ. Pháp được trợ là tám mươi chín tâm, năm mươi hai tâm sở, sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục.

Ở thiền duyên (jhānapaccaya), pháp trợ là tầm, tứ, hỷ, thọ và nhất tâm. Pháp được trợ là bảy mươi chín tâm, trừ mười tâm ngũ song thức, cùng năm mươi hai tâm sở, sắc do tâm sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục.

Đạo duyên và nhóm cảnh duyên

Miến / Burmese 6

Ở đạo duyên (maggapaccaya), pháp trợ là tuệ, tầm, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, tinh tấn, niệm, nhất tâm và tà kiến. Pháp được trợ là 71 tâm hữu nhân, 52 tâm sở, sắc do tâm hữu nhân sinh và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục hữu nhân.

Nhóm cảnh duyên có tám hoặc mười một loại.

Ở cảnh duyên (ārammaṇapaccaya), pháp trợ là sáu cảnh. Nói cách khác, đó là 89 tâm, 52 tâm sở và 28 sắc thuộc hiện tại, quá khứ hoặc vị lai, cùng Niết-bàn và chế định, vốn vượt ngoài thời gian. Pháp được trợ là 89 tâm và 52 tâm sở.

Ở cảnh trưởng duyên và cảnh cận y duyên, pháp trợ là 18 sắc thực tính khả ái thuộc hiện tại, quá khứ hoặc vị lai, được xem trọng, 84 tâm trừ hai tâm căn sân, hai tâm căn si và thân thức đi cùng khổ, 47 tâm sở trừ sân, tật, xan, hối và nghi, cùng Niết-bàn vượt ngoài thời gian. Pháp được trợ là tám tâm căn tham, tám tâm đại thiện, bốn tâm đại duy tác hợp trí, tám tâm siêu thế và 45 tâm sở trừ sân, tật, xan, hối, nghi và hai vô lượng phần.

Ở vật-cảnh tiền sinh y chỉ, vật-cảnh tiền sinh, vật-cảnh tiền sinh bất tương ưng, vật-cảnh tiền sinh hiện hữu và vật-cảnh tiền sinh bất ly, pháp trợ là…

Các duyên tiền sinh và nhóm vô gián

Miến / Burmese 7

… sắc ý vật sinh cùng tâm ở sát-na thứ 17 tính ngược từ tâm tử, nếu trường hợp cận tử ấy có duyên này. Pháp được trợ khi có vật-cảnh tiền sinh y chỉ ở cõi ngũ uẩn là khai ý môn, 30 tâm tốc hành dục giới, 11 tâm đăng ký, hai tâm thắng trí và 44 tâm sở trừ tật, xan, hối, các tâm sở ly và vô lượng.

Ở cảnh tiền sinh, cảnh tiền sinh hiện hữu và cảnh tiền sinh bất ly, pháp trợ là 18 sắc thực tính hiện tại. Pháp được trợ, khi nhận cảnh tiền sinh trong cõi ngũ uẩn, là 54 tâm dục giới, hai tâm thắng trí và 50 tâm sở trừ hai vô lượng phần.

Nhóm vô gián gồm bảy loại. Ở vô gián, đẳng vô gián, vô gián cận y, vô hữu và ly khứ, pháp trợ là 89 tâm và 52 tâm sở ở sát-na trước, trừ tâm tử của các bậc A-la-hán. Pháp được trợ là 89 tâm và 52 tâm sở ở sát-na sau, kể cả tâm tử của các bậc A-la-hán.

Ở trùng dụng duyên, pháp trợ là 47 tốc hành hiệp thế trước, trừ tốc hành cuối, và 52 tâm sở. Pháp được trợ là 51 tốc hành sau, trừ tốc hành đầu và tốc hành quả, cùng 52 tâm sở. Ở nghiệp vô gián, pháp trợ là tư trong bốn tâm đạo…

Nhóm sắc vật và nhóm hậu sinh

Miến / Burmese 8

… pháp được trợ là bốn tâm quả kế ngay sau đạo và 36 tâm sở.

Nhóm sắc vật có sáu loại. Ở vật tiền sinh y chỉ, vật tiền sinh, vật tiền sinh bất tương ưng, vật tiền sinh hiện hữu và vật tiền sinh bất ly, pháp trợ là sáu sắc vật trong thời bình nhật. Pháp được trợ là 85 tâm sinh trong cõi ngũ uẩn, trừ bốn tâm quả vô sắc, và 52 tâm sở.

Ở vật tiền sinh quyền duyên, pháp trợ là sắc nhãn vật ở tuổi trung bình đã sinh cùng một tâm hữu phần quá khứ trước đó, pe, sắc thân vật ở tuổi trung bình đã sinh cùng một tâm hữu phần quá khứ trước đó. Pháp được trợ là mười tâm ngũ song thức và bảy tâm sở biến hành.

Nhóm hậu sinh gồm bốn loại. Ở hậu sinh, hậu sinh bất tương ưng, hậu sinh hiện hữu và hậu sinh bất ly, pháp trợ là 85 tâm ở cõi ngũ uẩn, trừ bốn tâm quả vô sắc, kể từ hữu phần đầu tiên và các tâm sau đó, cùng 52 tâm sở. Pháp được trợ là sắc do một, hai, ba hoặc bốn nguồn sinh, đã sinh cùng các tâm trước, kể từ tái tục, và đã đến sát-na trụ.

Nghiệp dị thời, sắc vật thực và sắc mạng quyền

Miến / Burmese 9

Nhóm nghiệp dị thời có sáu loại. Ở nghiệp dị thời duyên, pháp trợ là 21 nghiệp thiện và 12 nghiệp bất thiện quá khứ. Pháp được trợ là 36 tâm quả, 38 tâm sở, sắc do nghiệp sinh lúc tái tục, sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng và sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật.

Trong nhóm nghiệp dị thời, ở vô gián, đẳng vô gián, vô hữu và ly khứ, pháp trợ là tư trong bốn tâm đạo. Pháp được trợ là bốn tâm quả ngay sau đạo và danh uẩn gồm 36 tâm sở. Ở cận y, pháp trợ là 21 nghiệp thiện và 12 nghiệp bất thiện quá khứ. Pháp được trợ là 36 tâm quả và danh uẩn gồm 38 tâm sở.

Nhóm sắc vật thực có ba loại. Ở sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly, pháp trợ là dưỡng tố có bốn nguồn sinh. Pháp được trợ là sắc có bốn nguồn sinh ở cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm ấy.

Nhóm sắc mạng quyền có ba loại. Ở sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly, pháp trợ là sắc mạng quyền…

Thường cận y và tóm lược ý nghĩa

Miến / Burmese 10

… pháp được trợ là chín hoặc tám sắc do nghiệp sinh cùng nhóm, trừ sắc mạng quyền.

Ở thường cận y duyên (pakatūpanissaya), pháp trợ là 89 tâm có sức mạnh, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên. Pháp được trợ là 89 tâm và 52 tâm sở. Đến đây hết phần hai mươi bốn duyên Paṭṭhāna.

Tóm lược ý nghĩa cốt yếu. Trong nhóm câu sinh lớn, trung và nhỏ, pháp nhân và pháp quả sinh đồng thời. Trong các nhóm pháp đồng sinh, pháp này giúp pháp kia, ví như cọc nương dây buộc và dây buộc nương cọc.

Trong nhóm cảnh, pháp trợ là các pháp chân đế thuộc ba thời gồm tâm, tâm sở và sắc, cùng Niết-bàn và chế định vượt ngoài thời gian. Chúng trợ bằng cách làm cảnh được biết. Các danh pháp có khả năng biết những cảnh ấy, gồm tâm và tâm sở, là pháp được trợ. Một bên là cảnh, một bên là pháp hướng đến cảnh, tức cảnh được biết và các danh pháp biết cảnh.

Tóm lược các nhóm vô gián, sắc vật, hậu sinh và nghiệp dị thời

Miến / Burmese 11

Trong nhóm vô gián, pháp trợ là các danh pháp ở sát-na tâm trước, pháp được trợ là các danh pháp ở sát-na tâm sau. Không có pháp nào chen giữa sát-na tâm nhân và sát-na tâm quả.

Trong nhóm sắc vật, pháp trợ là sáu loại sắc vật đã đến sát-na trụ. Pháp được trợ là các danh pháp tương ứng. Cả hai đều thuộc hiện tại.

Trong nhóm hậu sinh, pháp trợ là các danh pháp ở sát-na tâm sau, pháp được trợ là sắc đã sinh cùng các tâm trước và đã đến sát-na trụ.

Trong nhóm nghiệp dị thời, nhân và quả sinh vào những thời điểm khác nhau. Chúng có thể cách nhau một sát-na tâm, tức tâm trước và tâm sau như đạo và quả, hoặc nhiều sát-na tâm, một đời, nhiều đời hay nhiều kiếp.

Trong nhóm sắc vật thực, cả pháp nhân lẫn pháp quả đều là sắc. Đây là phần giải thích cách dưỡng tố trợ sắc do vật thực sinh…

Điều cần biết trước khi quán

Miến / Burmese 12

… tức cách dưỡng tố đến sát-na trụ làm sinh nhóm sắc có dưỡng tố là sắc thứ tám.

Trong nhóm sắc mạng quyền, mạng quyền trong nhóm duy trì các sắc do nghiệp sinh cùng nhóm bằng sức duy trì (anupālakasatti). Cả pháp nhân và pháp quả đều là sắc và sinh đồng thời.

Thường cận y là pháp trợ có sức mạnh lớn do chính bản tính tự nhiên của nó. Pháp trợ bao gồm tâm, tâm sở, sắc và một số chế định thích hợp làm duyên. Pháp được trợ chỉ gồm tâm và tâm sở. Các pháp chân đế làm nhân và quả có thể gần nhau hoặc cách xa nhau về sát-na tâm.

Phần này ưu tiên trình bày năm uẩn lúc tái tục của một người tam nhân, vì trước hết muốn nêu tái tục hiện tại. Hãy lấy lại làm cảnh mối liên hệ nhân quả đã học theo phương pháp Duyên khởi thứ năm. Như trong các bảng ở phần đề mục quán danh, sẽ phân chia năm uẩn theo mỗi sát-na tâm và trình bày mối liên hệ nhân quả theo năm uẩn. Riêng các danh uẩn sẽ được trình bày chung.

Các sắc là pháp được trợ gồm (1) sắc do tâm sinh…

Sắc do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục

Miến / Burmese 13

… (2) sắc do nghiệp sinh lúc tái tục, (3) sắc ngoại, (4) sắc do vật thực sinh, (5) sắc do thời tiết sinh, (6) sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng, (7) sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật. Như vậy có bảy loại. Sắc do tâm sinh lại có bốn loại, do tâm thiện, tâm bất thiện, tâm quả và tâm duy tác sinh.

Các sắc ấy sẽ được thấy ở những sát-na tâm tương ứng. Sắc do nghiệp sinh lúc tái tục cũng có ba loại, ở tái tục vô nhân, nhị nhân và tam nhân. Trước hết sẽ trình bày cách sắc do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục phát sinh.

Ngoài sắc ý vật, sắc do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục là pháp được trợ bởi: (1) 12 duyên danh câu sinh, (2) 5 duyên sắc câu sinh, (3) 4 duyên hậu sinh, (4) 3 duyên sắc mạng quyền…

Hai mươi lăm duyên trợ sắc tái tục ngoài sắc ý vật

Miến / Burmese 14

… (5) 1 nghiệp dị thời duyên. Do 25 duyên ấy cùng trợ theo sức thích hợp của mình, các sắc ấy phát sinh và tồn tại.

1. Về danh câu sinh: (a) nhóm danh uẩn gồm một trong bốn tâm tái tục tam nhân cõi dục và các tâm sở trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Ba nhân vô tham, vô sân, vô si trợ bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên. (f) Năm chi thiền khi tái tục hỷ thọ, hoặc bốn chi thiền khi tái tục xả thọ, trợ bằng thiền duyên. (g) Năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 6 = 12.

2. Bốn đại chủng trong cùng nhóm trợ các phần thích hợp bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5). 3. Các danh uẩn hữu phần đầu tiên sinh sau trợ bằng…

Sắc tái tục hỷ thọ và xả thọ

Miến / Burmese 15

… hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4). 4. Sắc mạng quyền trong cùng nhóm trợ bằng sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly (3). 5. Một trong bốn nghiệp thiện dục giới tam nhân thù thắng trợ bằng nghiệp dị thời (1). Do 25 duyên ấy cùng trợ, các sắc này phát sinh và tồn tại.

Ghi chú. Có bốn tái tục tam nhân cõi dục, đều hợp trí: (1) hỷ thọ vô trợ, (2) hỷ thọ hữu trợ, (3) xả thọ vô trợ và (4) xả thọ hữu trợ. Hãy chọn tái tục đã thực sự sinh trong dòng danh sắc của mình ở đời này để quán. Tái tục hỷ thọ hợp trí có 34 danh pháp, tái tục xả thọ hợp trí có 33. Với nghiệp dị thời cũng vậy, hãy phân biệt và chọn đúng nghiệp trong bốn loại nghiệp thiện tam nhân dục giới đã làm sinh tái tục của mình.

Ngoài hậu sinh và nghiệp dị thời, các pháp trợ trên sinh đồng thời với pháp được trợ, nên thuộc các nhóm danh câu sinh hoặc sắc câu sinh. Mạng quyền và sắc do nghiệp sinh lúc tái tục ấy cũng là sắc sinh đồng thời…

Hai mươi lăm duyên trợ sắc ý vật lúc tái tục

Miến / Burmese 16

… và vì thế cũng thuộc nhóm sắc mạng quyền. Hãy quán cho trí thấy cách mạng quyền trợ sắc do nghiệp sinh cùng nhóm. Người đã dùng trí thấy mối liên hệ nhân quả theo phương pháp Duyên khởi thứ năm sẽ thấy việc này dễ hơn.

Sắc ý vật do nghiệp sinh lúc tái tục tam nhân cõi dục được trợ bởi 13 duyên danh câu sinh, 4 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh, 3 duyên sắc mạng quyền và 1 nghiệp dị thời duyên. Do 25 duyên này cùng trợ, sắc ấy phát sinh và tồn tại.

1. (a) Nhóm danh uẩn gồm một trong bốn tâm tái tục tam nhân dục giới và các tâm sở trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Ba nhân vô tham, vô sân, vô si trợ bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh…

Các nhóm duyên trợ sắc ý vật, tiếp theo

Miến / Burmese 17

… (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên. (f) Năm chi thiền nếu tái tục tam nhân hỷ thọ, hoặc bốn chi thiền trừ hỷ nếu tái tục tam nhân xả thọ, trợ bằng thiền duyên. (g) Năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ bằng đạo duyên. Cộng 7 + 6 = 13.

2. Bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, y chỉ, hiện hữu và bất ly (4). 3. Các danh uẩn hữu phần đầu tiên sau tái tục trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4). 4. Mạng quyền trong cùng nhóm trợ bằng sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly (3). 5. Một trong bốn nghiệp thiện tam nhân dục giới thù thắng trợ bằng nghiệp dị thời (1). Do 25 duyên này cùng trợ theo sức thích hợp, sắc ý vật phát sinh và tồn tại.

Bốn danh uẩn tái tục tam nhân cõi dục

Miến / Burmese 18

Các danh uẩn là pháp được trợ, gồm một trong bốn tâm tái tục tam nhân cõi dục và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng. Chúng phát sinh và tồn tại nhờ 27 duyên cùng trợ theo sức thích hợp: (1) 13 duyên danh câu sinh, (2) 6 duyên sắc câu sinh, (3) 1 cảnh duyên, (4) 5 duyên vô gián và (5) 2 duyên thuộc nhóm nghiệp dị thời.

1. (a) Tâm và các tâm sở tương ứng, tức các danh uẩn trợ lẫn nhau, trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Vô tham, vô sân và vô si trong các danh uẩn tái tục trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên…

Cảnh, vô gián và nghiệp trợ danh uẩn tái tục

Miến / Burmese 19

… (f) Năm chi thiền ở tái tục hỷ thọ hoặc bốn chi ở tái tục xả thọ trợ bằng thiền duyên. (g) Tuệ, tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm, tức năm chi đạo, trợ bằng đạo duyên. Cộng 7 + 6 = 13.

2. Sắc ý vật sinh cùng các danh uẩn tái tục của chính mình trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). 3. Một trong ba cảnh, nghiệp, nghiệp tướng hoặc thú tướng, trợ bằng cảnh duyên (1). 4. Danh uẩn tử của đời trước, thuộc một trong 19 loại tâm tử, trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5). 5. Một trong bốn nghiệp thiện tam nhân dục giới thù thắng quá khứ trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2). Do 27 duyên ấy cùng trợ theo sức thích hợp, danh uẩn tái tục phát sinh và tồn tại.

Ghi chú. Với một chúng sinh trong một đời, chỉ một trong bốn loại tái tục tam nhân cõi dục sinh khởi. Tương tự, chỉ một trong bốn loại nghiệp thiện tam nhân thù thắng cõi dục làm sinh quả tái tục trong đời ấy. Tuy nhiên, quả trong thời bình nhật và nghiệp làm sinh những quả ấy có thể thuộc nhiều loại.

Sắc uẩn trong năm uẩn hữu phần

Miến / Burmese 20

Nói chung, bốn loại sắc có thể sinh đồng thời với sát-na sinh của tâm hữu phần: (a) sắc do tâm sinh, (b) sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, (c) sắc do thời tiết sinh và (d) sắc do vật thực sinh.

Với sát-na trụ và sát-na diệt của các tâm hữu phần ấy, ba loại sắc có thể sinh đồng thời: (a) sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, (b) sắc do thời tiết sinh, (c) sắc do vật thực sinh.

Ghi chú. Sắc do vật thực sinh chưa thể xuất hiện ở một số sát-na hữu phần đầu tiên sau tái tục. Sắc ấy có thể sinh từ lúc vật thực người mẹ ăn đã lan đến thân thai nhi.

Sắc uẩn hữu phần. Sắc do tâm hữu phần sinh là pháp được trợ bởi (1) 12 duyên danh câu sinh, (2) 5 duyên sắc câu sinh, (3) 4 duyên hậu sinh và (4) 3 duyên sắc vật thực…

Hai mươi bốn duyên trợ sắc do tâm hữu phần sinh

Miến / Burmese 21

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 24 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Các danh uẩn gồm một trong bốn tâm hữu phần tam nhân cõi dục và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Vô tham, vô sân và vô si trợ bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên. (f) Năm chi thiền nếu hỷ thọ, hoặc bốn chi nếu xả thọ, trợ bằng thiền duyên. (g) Năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 6 = 12.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

3. Các danh uẩn quả hoặc duy tác tương ứng sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4).

Sắc do nghiệp sinh cùng các sát-na của tâm hữu phần

Miến / Burmese 22

4. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 24 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần. Các pháp trợ là 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh, 3 duyên sắc vật thực, 3 duyên sắc mạng quyền và 1 nghiệp dị thời duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 16 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

2. Danh uẩn quả và duy tác sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4).

Duyên trợ sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh trong hữu phần

Miến / Burmese 23

3. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

4. Sắc mạng quyền trong cùng nhóm trợ bằng sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly (3).

5. Một trong 20 nghiệp quá khứ, gồm tám nghiệp thiện và mười hai nghiệp bất thiện cõi dục, trợ bằng nghiệp dị thời (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 16 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Sắc do thời tiết và vật thực sinh có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần. Các pháp trợ là 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 12 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

Sắc do thời tiết và vật thực sinh. Nghĩa của yathāraham

Miến / Burmese 24

2. Danh uẩn quả và duy tác sinh sau trợ bằng hậu sinh, hậu sinh bất tương ưng, hậu sinh hiện hữu và hậu sinh bất ly (4).

3. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 12 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Sau hữu phần có thể sinh các danh pháp quả như hữu phần hoặc tử, hoặc danh pháp duy tác như khai ngũ môn hay khai ý môn. Vì vậy phần hậu sinh nêu danh pháp quả và duy tác là pháp trợ. Tuy sắc do thời tiết và sắc do vật thực sinh được trình bày chung vì loại và số duyên giống nhau, khi quán hãy quán riêng từng loại.

Trong nhóm sắc câu sinh, yathārahaṃ nghĩa là “theo sức thích hợp”. (1) Ba đại chủng là pháp được trợ, một đại chủng là pháp trợ. (2) Một đại chủng là pháp được trợ, ba đại chủng là pháp trợ…

Tương trợ theo sức thích hợp và bốn danh uẩn hữu phần

Miến / Burmese 25

… (3) Hai đại chủng được hai đại chủng trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly. (4) Sắc y sinh trong nhóm được cả bốn đại chủng trong nhóm trợ bằng câu sinh, y chỉ, hiện hữu và bất ly. Đây là sự trợ giúp bằng những sức duyên như thế.

Hãy hiểu tương tự với bốn danh uẩn: (1) ba được một trợ, (2) một được ba trợ, (3) hai được hai trợ. Chúng trợ lẫn nhau theo sức thích hợp bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly.

Các danh uẩn hữu phần tam nhân cõi dục là pháp được trợ, gồm tâm hữu phần tương ứng trong bốn tâm và các tâm sở trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng. Chúng được trợ bởi (1) 13 duyên danh câu sinh, (2) 1 cảnh duyên…

Hai mươi sáu duyên trợ danh uẩn hữu phần

Miến / Burmese 26

… (3) 5 duyên vô gián, (4) 5 duyên sắc vật và (5) 2 duyên thuộc nhóm nghiệp dị thời. Do 26 duyên này cùng trợ theo sức thích hợp, các danh uẩn ấy phát sinh và tồn tại.

1. (a) Các danh uẩn gồm một trong bốn tâm hữu phần tam nhân cõi dục và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Vô tham, vô sân và vô si trợ bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên. (f) Năm chi thiền nếu hỷ thọ, hoặc bốn chi nếu xả thọ, trợ bằng thiền duyên. (g) Năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ bằng đạo duyên. Cộng 7 + 6 = 13.

2. Một trong ba cảnh của tốc hành cận tử đời trước, nghiệp, nghiệp tướng…

Cảnh duyên, vô gián và sắc ý vật trợ hữu phần

Miến / Burmese 27

… hoặc thú tướng, trợ bằng cảnh duyên (1).

3. Danh uẩn đã diệt ngay trước hữu phần tùy trường hợp là (a) tái tục tam nhân dục giới, (b) hữu phần tam nhân dục giới trước đó, (c) tâm xác định (voṭṭhapana), (d) tốc hành cuối, hoặc (e) tâm đăng ký thứ hai. Danh uẩn thích hợp trong các trường hợp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật đã sinh cùng các danh uẩn đi trước hữu phần tùy trường hợp: (a) tái tục tam nhân dục giới, (b) hữu phần tam nhân dục giới trước đó, (c) tâm xác định, (d) tốc hành cuối, (e) tâm đăng ký thứ hai…

Nghiệp dị thời trợ hữu phần. Năm uẩn lúc tử

Miến / Burmese 28

… (f) tâm thứ mười bảy tính ngược từ tâm tử vào lúc cận tử. Sắc ý vật thích hợp trong các trường hợp ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Một trong bốn nghiệp thiện tam nhân dục giới thù thắng quá khứ trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 26 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Trong nhóm danh câu sinh, “theo sức thích hợp” nói đến một danh uẩn trợ ba, ba trợ một, hoặc hai trợ hai. Trong bốn loại hữu phần tam nhân cõi dục, hãy lấy làm cảnh loại đã sinh, đang sinh hoặc sẽ sinh trong dòng danh sắc của mình. Trong các nghiệp thiện tam nhân thù thắng cõi dục, hãy quán chính nghiệp đang cho quả.

Năm uẩn lúc tử, tức tử tam nhân cõi dục. Vào lúc tử, sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh không còn có thể sinh thêm. Các sắc ấy đã sinh cùng tâm thứ mười bảy tính ngược từ tâm tử…

Sắc lúc tử và bốn danh uẩn tử

Miến / Burmese 29

… và đồng thời đi đến sát-na diệt. Các vị thầy có những ý kiến khác nhau về việc tâm tử có thể làm sinh sắc do tâm sinh hay không. Tuy vậy, những tâm gần sát tâm tử vẫn có thể làm sinh sắc do tâm sinh, và những sắc ấy vẫn đang ở giai đoạn trụ vào lúc tâm tử.

Nếu tử theo sau tốc hành, tâm ấy có thể là tốc hành. Nếu tử theo sau đăng ký, tâm ấy có thể là đăng ký. Nếu tử theo sau hữu phần, tâm ấy có thể là hữu phần. Hãy lưu ý sắc do tâm sinh do các tâm ấy đã làm sinh, đang làm sinh hoặc sẽ làm sinh. Hiểu tương tự với sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh.

Bốn danh uẩn tử tam nhân cõi dục, gồm tâm tử tương ứng trong bốn tâm và các tâm sở trong số 33, trừ ly và vô lượng, được trợ bởi 13 duyên câu sinh, 1 cảnh duyên, 5 duyên vô gián, 5 duyên sắc vật và 2 duyên thuộc nhóm nghiệp dị thời.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 26 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Danh câu sinh và cảnh duyên lúc tử

Miến / Burmese 30

1. (a) Các danh uẩn gồm một trong bốn tâm tử tam nhân cõi dục và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Vô tham, vô sân và vô si trợ bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (e) Tám danh quyền trợ bằng quyền duyên. (f) Năm chi thiền nếu hỷ thọ, hoặc bốn chi nếu xả thọ, trợ bằng thiền duyên. (g) Năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ bằng đạo duyên. Cộng 7 + 6 = 13.

2. Một trong ba cảnh là nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng trợ bằng cảnh duyên (1).

3. Danh uẩn đã diệt ngay trước tâm tử tùy trường hợp là (a) tốc hành thứ năm trong lộ cận tử, hoặc (b) tâm đăng ký thứ hai…

Vô gián lúc tử và sắc trong lộ ngũ môn

Miến / Burmese 31

… hoặc (c) hữu phần tam nhân cõi dục trước đó của chính mình. Những pháp trợ ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm thứ mười bảy tính ngược từ tâm tử trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). 5. Nghiệp thiện tam nhân cõi dục thù thắng quá khứ thích hợp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 26 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Trong lộ ngũ môn, (1) ba loại sắc có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của ngũ thức là sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh. (2) Bốn loại sắc có thể sinh cùng sát-na sinh của các tâm ngoài ngũ thức, tức khai ngũ môn, tiếp thọ, suy đạc, xác định, tốc hành và đăng ký, là…

Năm uẩn của khai ngũ môn

Miến / Burmese 32

… (a) sắc do tâm sinh, (b) sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, (c) sắc do thời tiết sinh và (d) sắc do vật thực sinh. (3) Ba loại sắc có thể sinh cùng sát-na trụ và diệt của các tâm lộ ngũ môn là sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh.

Trong sát-na khai ngũ môn có năm uẩn. Trước hết trình bày sắc uẩn theo ba nhóm: (a) sắc do tâm sinh, (b) sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, (c) sắc do thời tiết và vật thực sinh, rồi chỉ ra các duyên Paṭṭhāna tương ứng.

Sắc do tâm khai ngũ môn sinh được trợ bởi 9 duyên danh câu sinh, 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực…

Hai mươi mốt duyên trợ sắc do tâm khai ngũ môn sinh

Miến / Burmese 33

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 21 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm khai ngũ môn cùng mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn, trợ bằng câu sinh, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). (b) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm và thọ, tức ba danh quyền, trợ bằng quyền duyên. (e) Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 5 + 4 = 9.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

3. Danh uẩn của ngũ thức thích hợp sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4).

4. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 21 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Sắc do nghiệp sinh đồng thời với khai ngũ môn

Miến / Burmese 34

Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn. Các pháp trợ là 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh, 3 duyên sắc vật thực, 3 duyên sắc mạng quyền và 1 nghiệp dị thời duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 16 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

2. Ngũ thức sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4).

3. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

4. Sắc mạng quyền trong cùng nhóm trợ bằng sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly (3).

5. Một nghiệp trong số tám nghiệp thiện dục giới, mười hai nghiệp bất thiện và…

Sắc do thời tiết và vật thực sinh đồng thời với khai ngũ môn

Miến / Burmese 35

… năm nghiệp thiện sắc giới quá khứ, tổng cộng 25 nghiệp, trợ bằng nghiệp dị thời (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 16 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Sắc do thời tiết và vật thực sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của tâm khai ngũ môn được trợ bởi 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 12 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các thành phần thích hợp trong bốn đại chủng cùng nhóm trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

2. Ngũ thức sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4).

3. Dưỡng tố có bốn nguồn sinh trong cùng nhóm hoặc khác nhóm, trừ dưỡng tố trong chính nhóm đang được xét, trợ bằng sắc vật thực, sắc vật thực hiện hữu và sắc vật thực bất ly (3).

Tóm lược 54 tâm dục giới trong lộ ngũ môn

Miến / Burmese 36

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 12 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Điểm tóm lược cần ghi nhớ. Phân loại các duyên của 54 tâm dục giới trong lộ ngũ môn.

Ở nhãn môn, khi lấy cảnh sắc rất lớn làm cảnh, thứ tự tâm lộ là: một hữu phần quá khứ, hữu phần rung động, hữu phần dứt dòng, khai ngũ môn, nhãn thức (một loại ngũ thức), tiếp thọ, suy đạc, xác định, bảy tốc hành dục giới, hai tâm đăng ký, rồi hữu phần, hữu phần…

Các tâm tốc hành thiện, bất thiện và duy tác ở vị trí tốc hành trong lộ này sinh ở sát-na sinh và tồn tại ở sát-na trụ nhờ năm nhóm pháp trợ cùng tác động theo sức thích hợp: câu sinh, cảnh, vô gián, sắc vật và thường cận y.

Hai mươi lăm duyên trợ danh uẩn khai ngũ môn

Miến / Burmese 37

Đối với tâm quả, thêm nhóm nghiệp dị thời vào năm nhóm trên. Nhờ sáu nhóm pháp trợ cùng tác động theo sức thích hợp, tâm quả sinh ở sát-na sinh và tồn tại ở sát-na trụ. Đây là phần tóm lược cần ghi nhớ.

Các danh uẩn khai ngũ môn gồm tâm khai ngũ môn và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Chúng được trợ bởi 10 duyên câu sinh, 4 duyên cảnh, 5 duyên vô gián, 5 duyên sắc vật và 1 thường cận y duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm khai ngũ môn và mười tâm sở ấy trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên…

Các duyên trợ khai ngũ môn. Sắc lúc nhãn thức

Miến / Burmese 38

… (d) Mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên. (e) Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 6 + 4 = 10.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4). Các cảnh thanh và các cảnh ngũ môn khác cũng theo cách ấy.

3. Danh uẩn hữu phần dứt dòng đã diệt trước đó trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật đã sinh cùng các danh uẩn hữu phần dứt dòng ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Năm uẩn của nhãn thức. Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của nhãn thức, tức một trong ngũ thức. Các pháp trợ gồm 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh, 3 duyên sắc vật thực…

Sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh lúc nhãn thức

Miến / Burmese 39

… 3 duyên sắc mạng quyền và 1 nghiệp dị thời duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 16 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các mục (1), (3), (4), (5) giống như đã nêu về sắc uẩn của khai ngũ môn. Riêng mục (2), danh uẩn tiếp thọ sinh sau trợ bằng hậu sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (4). Đây là điểm khác.

Sắc do thời tiết và vật thực sinh có thể sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của nhãn thức. Các pháp trợ gồm 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 12 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Hãy hiểu theo cách đã nêu ở khai ngũ môn. Ở đây, danh uẩn tiếp thọ là pháp trợ bằng hậu sinh.

Các danh uẩn nhãn thức là pháp được trợ, gồm nhãn thức và bảy tâm sở biến hành…

Hai mươi tám duyên trợ danh uẩn nhãn thức

Miến / Burmese 40

… Chúng được trợ bởi 10 duyên câu sinh, 4 duyên cảnh, 5 duyên vô gián, 6 duyên sắc vật, 2 duyên thuộc nhóm nghiệp và 1 thường cận y duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Nhãn thức và bảy tâm sở biến hành trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Tư trong danh uẩn nhãn thức trợ các uẩn tương ưng bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên. Cộng 7 + 3 = 10.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

Sắc vật trợ nhãn thức. Sắc uẩn tiếp thọ

Miến / Burmese 41

3. Các danh uẩn khai ngũ môn đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc nhãn vật ở giai đoạn giữa, sinh cùng hữu phần quá khứ đầu tiên, trợ bằng y chỉ, tiền sinh, quyền, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

5. Một nghiệp thích hợp trong các nghiệp thiện hoặc bất thiện quá khứ trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

6. Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên, như ánh sáng, pe, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Năm uẩn tiếp thọ. Sắc do tâm tiếp thọ sinh được trợ bởi 10 duyên danh câu sinh, 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực…

Hai mươi hai duyên trợ sắc do tâm tiếp thọ sinh

Miến / Burmese 42

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 22 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm tiếp thọ và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trong danh uẩn tiếp thọ trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Ba danh quyền là mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên. (e) Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 6 + 4 = 10.

Ghi chú. Các mục (2)–(4) giống như trước. Riêng ở mục (3), danh uẩn suy đạc là pháp trợ bằng hậu sinh.

Hãy quán theo cách đã trình bày ở sắc uẩn khai ngũ môn đối với sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của danh uẩn tiếp thọ. Tiếp thọ quả thiện và tiếp thọ quả bất thiện được trình bày chung vì phép quán giống nhau. Khi thực hành, hãy quán riêng. Với cảnh khả ái là quả thiện, với cảnh bất khả ái là quả bất thiện.

Hai mươi tám duyên trợ danh uẩn tiếp thọ

Miến / Burmese 43

Danh uẩn tiếp thọ gồm tâm tiếp thọ và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Các nhóm pháp trợ là 11 duyên câu sinh, 4 duyên cảnh, 5 duyên vô gián, 5 duyên sắc vật, 2 duyên thuộc nhóm nghiệp và 1 thường cận y duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm tiếp thọ và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Tư trong danh uẩn tiếp thọ trợ các uẩn tương ưng bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên.

Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 7 + 4 = 11.

Các duyên trợ tiếp thọ. Sắc uẩn suy đạc

Miến / Burmese 44

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Các danh uẩn nhãn thức đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm nhãn thức trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Một nghiệp thích hợp trong các nghiệp thiện hoặc bất thiện quá khứ trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

6. Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Năm uẩn suy đạc. Sắc do tâm suy đạc sinh được trợ bởi 10 duyên danh câu sinh, 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh…

Hai mươi hai duyên trợ sắc do tâm suy đạc sinh

Miến / Burmese 45

… và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 22 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm suy đạc và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và tinh tấn, hoặc 10 tâm sở nếu xả thọ, trừ thêm hỷ, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trong danh uẩn suy đạc trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên. (e) Năm chi thiền ở suy đạc hỷ thọ hoặc bốn chi trừ hỷ ở suy đạc xả thọ trợ bằng thiền duyên. Cộng 6 + 4 = 10.

Ghi chú. Hãy quán các mục (2)–(4) như đã nêu. Ở hậu sinh, danh uẩn xác định là pháp trợ. Sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết và vật thực sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của danh uẩn suy đạc cũng được ghi nhận và quán theo cách đã nêu.

Hai mươi tám duyên trợ danh uẩn suy đạc

Miến / Burmese 46

Tâm suy đạc và các tâm sở tương ứng là những danh uẩn được trợ. Các nhóm pháp trợ là 11 duyên danh câu sinh, 4 duyên cảnh, 5 duyên vô gián, 5 duyên sắc vật, 2 duyên thuộc nhóm nghiệp dị thời và 1 thường cận y duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm suy đạc và 11 hoặc 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, tinh tấn và trừ hỷ khi xả thọ trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Tư trong danh uẩn suy đạc trợ các uẩn tương ưng bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên.

Nếu tâm suy đạc hỷ thọ thì năm chi thiền trợ, nếu tâm suy đạc xả thọ thì bốn chi thiền trừ hỷ…

Các duyên trợ suy đạc. Sắc uẩn xác định

Miến / Burmese 47

… trợ bằng thiền duyên. Cộng 7 + 4 = 11.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Các danh uẩn tiếp thọ đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm tiếp thọ trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Một nghiệp thích hợp trong các nghiệp thiện hoặc bất thiện quá khứ trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

6. Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Năm uẩn xác định. Sắc do danh uẩn xác định làm sinh được trợ bởi 9 duyên danh câu sinh, 5 duyên sắc câu sinh…

Hai mươi mốt duyên trợ sắc do tâm xác định sinh

Miến / Burmese 48

… 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 21 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm xác định và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và hỷ, trợ bằng câu sinh, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). (b) Tư trong danh uẩn xác định trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Năm danh quyền, mạng, tâm, thọ, tinh tấn và nhất tâm, trợ bằng quyền duyên. (e) Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 5 + 4 = 9.

Ghi chú. Hãy hiểu các mục (2)–(4) theo cách đã nêu. Danh uẩn tốc hành đầu tiên là pháp trợ bằng hậu sinh. Cũng hãy ghi nhận và quán như trước sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết và vật thực sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của danh uẩn xác định.

Danh uẩn xác định gồm tâm xác định và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và hỷ…

Hai mươi lăm duyên trợ danh uẩn xác định

Miến / Burmese 49

… được trợ bởi 10 duyên danh câu sinh, 4 duyên cảnh, 5 duyên vô gián, 5 duyên sắc vật và 1 thường cận y duyên.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm xác định và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và hỷ, trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trong danh uẩn xác định trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (d) Mạng, tâm, thọ, tinh tấn và nhất tâm trợ bằng quyền duyên. (e) Bốn chi thiền trừ hỷ trợ bằng thiền duyên. Cộng 6 + 4 = 10.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4). 3. Danh uẩn suy đạc đã diệt trợ bằng vô gián…

Các duyên trợ xác định. Sắc uẩn của tốc hành đại thiện đầu tiên

Miến / Burmese 50

… đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm suy đạc trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định có thể làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Năm uẩn của tốc hành đại thiện thứ nhất trong lộ ngũ môn. Sắc do tâm sinh từ danh uẩn của tốc hành đại thiện thứ nhất được trợ bởi 12 duyên danh câu sinh, 5 duyên sắc câu sinh, 4 duyên hậu sinh và 3 duyên sắc vật thực.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 24 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các sắc do danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất làm sinh là những pháp được trợ như sau…

Danh uẩn trợ sắc do tốc hành đại thiện thứ nhất sinh

Miến / Burmese 51

1. (a) Tâm tốc hành đại thiện thứ nhất và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). (b) Khi nhị nhân, vô tham và vô sân trợ. Khi tam nhân, vô tham, vô sân và vô si trợ. Chúng trợ bằng nhân duyên. (c) Khi có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn và tâm ở trường hợp nhị nhân, hoặc một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát ở trường hợp tam nhân, trợ bằng trưởng duyên. (d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (f) Bảy danh quyền trừ tuệ ở trường hợp nhị nhân, hoặc tám danh quyền ở trường hợp tam nhân, trợ bằng quyền duyên. (g) Hỷ thọ có năm chi thiền, xả thọ có bốn chi, trợ bằng thiền duyên. (h) Nhị nhân có bốn chi đạo trừ các tâm sở ly và tuệ. Tam nhân có năm chi đạo trừ các tâm sở ly. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 5 + 7 = 12.

Ghi chú. Các mục (2)–(4) như đã nêu. Ở mục (3), danh uẩn tốc hành thứ hai sinh sau trợ sắc do tốc hành thứ nhất sinh bằng hậu sinh. Danh uẩn tốc hành thứ ba trợ sắc do tốc hành thứ hai sinh. Hãy hiểu tương tự cho các tốc hành tiếp theo.

Danh uẩn của tốc hành đại thiện thứ nhất

Miến / Burmese 52

Hãy ghi nhận và quán như đã nêu đối với sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật, sắc do thời tiết và vật thực sinh đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất. Tương tự, hãy quán sắc do tâm sinh ở tốc hành đại thiện thứ hai và các tốc hành sau, ở tốc hành duy tác và bất thiện, cùng sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh đồng thời với ba sát-na của các tâm ấy.

Trong lộ ngũ môn, tâm tốc hành đại thiện thứ nhất và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, là các danh uẩn được trợ. Các nhóm pháp trợ gồm danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm tốc hành đại thiện thứ nhất và các tâm sở ấy trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương…

Mười ba duyên danh câu sinh của tốc hành đại thiện thứ nhất

Miến / Burmese 53

… y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

(b) Khi nhị nhân, vô tham và vô sân trợ. Khi tam nhân, vô tham, vô sân và vô si trợ. Chúng trợ bằng nhân duyên. (c) Khi có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn và tâm ở trường hợp nhị nhân, hoặc một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát ở trường hợp tam nhân, trợ bằng trưởng duyên. (d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (f) Bảy danh quyền trừ tuệ ở trường hợp nhị nhân, hoặc tám danh quyền ở trường hợp tam nhân, trợ bằng quyền duyên. (g) Hỷ thọ có năm chi thiền, xả thọ có bốn chi, trợ bằng thiền duyên. (h) Nhị nhân có bốn chi đạo trừ các tâm sở ly và tuệ. Tam nhân có năm chi đạo trừ các tâm sở ly. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

Từ tốc hành đại thiện thứ nhất sang thứ hai

Miến / Burmese 54

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Danh uẩn tâm xác định đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm xác định trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Các pháp có sức mạnh gồm 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Hãy quán sắc uẩn của tốc hành đại thiện thứ hai theo cùng cách. Trong lộ ngũ môn, tâm tốc hành đại thiện thứ hai và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, là các danh uẩn được trợ. Các nhóm pháp trợ gồm danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (6), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Danh câu sinh của tốc hành đại thiện thứ hai

Miến / Burmese 55

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 29 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm tốc hành đại thiện thứ hai và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

(b) Khi nhị nhân, vô tham và vô sân trợ. Khi tam nhân, vô tham, vô sân và vô si trợ. Chúng trợ bằng nhân duyên. (c) Khi có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn và tâm ở trường hợp nhị nhân, hoặc một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát ở trường hợp tam nhân, trợ bằng trưởng duyên. (d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên. (f) Bảy danh quyền trừ tuệ ở trường hợp nhị nhân, hoặc tám danh quyền ở trường hợp tam nhân, trợ bằng quyền duyên.

Hỷ thọ có năm chi thiền, xả thọ có bốn chi thiền trừ hỷ…

Các duyên trợ tốc hành đại thiện thứ hai và các tốc hành sau

Miến / Burmese 56

… trợ bằng thiền duyên. Tốc hành nhị nhân có bốn chi đạo: tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm. Tốc hành tam nhân có thêm tuệ, thành năm chi. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

4. Sắc ý vật sinh cùng tốc hành đại thiện thứ nhất trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Các pháp có sức mạnh gồm 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 29 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Hãy hiểu và quán tốc hành đại thiện thứ ba đến thứ bảy theo mẫu của tốc hành thứ hai. Tốc hành thứ hai trợ tốc hành thứ ba, thứ ba trợ thứ tư, thứ tư trợ thứ năm, thứ năm trợ thứ sáu và thứ sáu trợ thứ bảy trong nhóm vô gián. Chỉ điểm ấy thay đổi.

Năm uẩn và danh uẩn tốc hành bất thiện

Miến / Burmese 57

Hãy hiểu và quán sắc uẩn tốc hành bất thiện theo mẫu sắc uẩn đã nêu. Ở đây trình bày chung các danh uẩn tốc hành bất thiện trong lộ ngũ môn.

Danh uẩn tốc hành bất thiện thứ nhất là pháp được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tốc hành thứ nhất thuộc một trong 12 tâm bất thiện cùng các tâm sở tương ứng trong số 27. Các danh uẩn ấy trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Trong danh uẩn ấy, nếu là tốc hành căn tham thì tham và si trợ, nếu là tốc hành căn sân thì sân và si trợ…

Nhân, trưởng, quyền, thiền và đạo trong tốc hành bất thiện

Miến / Burmese 58

… và chỉ si trợ nếu là tốc hành căn si. Hai hoặc một nhân này trợ bằng nhân duyên. (c) Trong tốc hành căn tham hoặc căn sân có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn và tâm trợ bằng trưởng duyên. (d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực duyên.

(f) Trong tốc hành căn tham, căn sân hoặc hợp trạo cử, năm danh quyền là mạng, tâm, thọ, tinh tấn và nhất tâm. Trong tốc hành hợp hoài nghi có bốn danh quyền là mạng, tâm, thọ và tinh tấn. Chúng trợ bằng quyền duyên. (g) Hỷ thọ có năm chi thiền. Ưu thọ hoặc xả thọ có bốn chi thiền trừ hỷ. Chúng trợ bằng thiền duyên.

(h) Hợp tà kiến có bốn chi đạo: tầm, tinh tấn, nhất tâm và tà kiến. Ly tà kiến, căn sân hoặc hợp trạo cử có ba: tầm, tinh tấn và nhất tâm. Hợp hoài nghi có hai: tầm và tinh tấn. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Danh uẩn tâm xác định đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

Tốc hành bất thiện tiếp theo. Năm uẩn đăng ký

Miến / Burmese 59

4. Sắc ý vật sinh cùng tâm xác định trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Các pháp có sức mạnh gồm 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Khi xét danh uẩn tốc hành bất thiện thứ hai, danh uẩn tốc hành đầu đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6). Sắc ý vật sinh cùng tốc hành thứ nhất trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). Điểm khác là trùng dụng, nên tổng số là 29. Hãy quán tương tự ở tốc hành thứ ba và các tốc hành sau. Các trường hợp giống nhau được trình bày chung, nhưng trong một sát-na chỉ một loại tốc hành bất thiện có thể sinh. Khi thực hành, hãy quán riêng từng loại như trong các bảng đề mục quán danh.

Năm uẩn đăng ký. Trong lộ nhãn môn và các lộ ngũ môn, đăng ký hữu nhân có thể sinh với cảnh khả ái, còn đăng ký vô nhân có thể sinh với cảnh bất khả ái, tùy trường hợp. Trước hết trình bày đăng ký hữu nhân, tức đăng ký đại quả…

Sắc do tâm đăng ký hữu nhân thứ nhất sinh

Miến / Burmese 60

… gồm tám loại. Chúng được trình bày chung ở đây. Khi quán, hãy quán riêng từng loại, vì trong một lộ chỉ một loại đăng ký có thể sinh.

Sắc do danh uẩn của tâm đăng ký hữu nhân thứ nhất, tức tâm đại quả, làm sinh được trợ bởi danh câu sinh (12), sắc câu sinh (5), hậu sinh (4) và sắc vật thực (3).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 24 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm đăng ký hữu nhân thứ nhất và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ ly và vô lượng, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Khi sắc do tâm đăng ký nhị nhân sinh, vô tham và vô sân trợ. Khi do tâm đăng ký tam nhân sinh, vô tham, vô sân và vô si trợ. Hai hoặc ba nhân ấy trợ bằng nhân duyên.

Duyên trợ sắc do tâm đăng ký và phần danh uẩn đại quả

Miến / Burmese 61

(c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (e) Sắc do đăng ký nhị nhân sinh được bảy danh quyền trừ tuệ trợ, sắc do đăng ký tam nhân sinh được tám danh quyền trợ. (f) Nếu hỷ thọ thì năm chi thiền trợ, nếu xả thọ thì bốn chi thiền trừ hỷ trợ. (g) Nếu nhị nhân thì bốn chi đạo trừ các tâm sở ly và tuệ trợ, nếu tam nhân thì năm chi đạo trừ các tâm sở ly trợ. Cộng 6 + 6 = 12.

Ghi chú. Các mục (2)–(4) như trước. Danh uẩn đăng ký hữu nhân thứ hai trợ bằng hậu sinh. Hãy quán theo mẫu đã nêu sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh cùng sát-na sinh, trụ và diệt của tâm đăng ký hữu nhân thứ nhất. Hãy hiểu như trước sắc do tâm đăng ký hữu nhân thứ hai sinh và các sắc tương ứng. Nếu hữu phần tiếp sau đăng ký thì danh uẩn hữu phần là pháp trợ bằng hậu sinh.

Các danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân gồm một trong tám tâm và các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng…

Ba mươi duyên trợ danh uẩn đăng ký hữu nhân

Miến / Burmese 62

… Chúng được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5), nhóm nghiệp dị thời (2) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 30 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Một trong tám tâm đăng ký hữu nhân và các tâm sở tương ứng trong số 33, đôi khi 32 hoặc 31, trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7). (b) Vô tham và vô sân trợ ở đăng ký nhị nhân. Vô tham, vô sân và vô si trợ ở đăng ký tam nhân, bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (d) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (e) Đăng ký nhị nhân có bảy danh quyền trừ tuệ, đăng ký tam nhân có tám…

Cảnh, sắc vật và nghiệp trợ đăng ký hữu nhân

Miến / Burmese 63

… trợ bằng quyền duyên. (f) Nếu hỷ thọ thì năm chi thiền trợ, nếu xả thọ thì bốn chi thiền trừ hỷ trợ. (g) Nhị nhân có bốn chi đạo: tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm. Tam nhân có thêm tuệ, thành năm chi. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 7 + 6 = 13.

2. Cảnh sắc hiện tại trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

3. Khi là đăng ký thứ nhất, danh uẩn tốc hành thứ bảy đã diệt trợ. Khi là đăng ký thứ hai, danh uẩn đăng ký thứ nhất đã diệt trợ. Chúng trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Với đăng ký thứ nhất, sắc ý vật sinh cùng tốc hành thứ bảy trợ. Với đăng ký thứ hai, sắc ý vật sinh cùng đăng ký thứ nhất trợ. Chúng trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Thiện nghiệp dục giới quá khứ có sức mạnh trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Sắc do tâm đăng ký vô nhân thứ nhất sinh

Miến / Burmese 64

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 30 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Sắc do danh uẩn đăng ký vô nhân thứ nhất sinh được trợ bởi danh câu sinh (10), sắc câu sinh (5), hậu sinh (4) và sắc vật thực (3).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 22 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

1. (a) Tâm đăng ký vô nhân thứ nhất và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và tinh tấn nếu hỷ thọ, hoặc 10 tâm sở, trừ thêm hỷ nếu xả thọ, trợ bằng câu sinh, y chỉ, quả, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (d) Ba danh quyền mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền duyên…

Đăng ký vô nhân và các lộ ngũ môn còn lại

Miến / Burmese 65

… (e) Nếu đăng ký vô nhân thứ nhất hỷ thọ thì năm chi thiền trợ, nếu xả thọ thì bốn chi thiền trừ hỷ trợ. Cộng 6 + 4 = 10.

Ghi chú. Các mục (2)–(4) như trước. Riêng hậu sinh thì danh uẩn đăng ký thứ hai trợ. Hãy hiểu theo mẫu đã nêu sắc do nghiệp, thời tiết và vật thực sinh đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm đăng ký vô nhân thứ nhất. Hãy hiểu sắc do tâm đăng ký vô nhân thứ hai sinh theo mẫu của tâm thứ nhất. Điểm khác là ở hậu sinh, danh uẩn hữu phần đầu tiên sau đăng ký trợ. Với ba tâm đăng ký vô nhân, hãy hiểu cách sinh do danh câu sinh theo ba tâm suy đạc. Cách sinh do cảnh và các nhóm khác thì hiểu theo đăng ký hữu nhân.

Đến đây đã trình bày bao quát các mối quan hệ duyên Paṭṭhāna của năm uẩn ở từng sát-na trong lộ nhãn môn. Khi quán thực tế, hãy phân biệt từng sát-na như trong các bảng đề mục quán danh. Ở những lộ còn lại, điểm khác là: (1) lộ nhĩ môn lấy cảnh thanh hiện tại, (2) lộ tỷ môn lấy cảnh hương hiện tại, (3) lộ thiệt môn lấy cảnh vị hiện tại, (4) lộ thân môn lấy cảnh xúc hiện tại.

Các cảnh ngũ môn và lộ ý môn có tốc hành dục giới

Miến / Burmese 66

Các cảnh tương ứng trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4). Chỉ khác ở điểm ấy. Các duyên còn lại trợ như đã nêu ở lộ nhãn môn, hãy quán theo mẫu ấy.

Tóm lược lộ ý môn có tốc hành dục giới. Có (1) khai ý môn, (2) tốc hành và (3) đăng ký. Tính theo số lần tâm sinh trong lộ, có một khai ý môn, bảy tốc hành và hai đăng ký, cộng mười. Tính theo các loại tâm có thể đảm nhiệm, có một khai ý môn, 29 tốc hành dục giới và 11 đăng ký, cộng 41.

Năm uẩn của khai ý môn

Miến / Burmese 67

Hãy hiểu và quán sắc uẩn theo mẫu đã nêu. Sau đây trình bày danh uẩn.

Tâm khai ý môn và 11 tâm sở tợ tha, trừ dục và hỷ, là danh uẩn được trợ. Các nhóm pháp trợ gồm danh câu sinh (10), cảnh (1, 4 hoặc 6), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1). Có 22, 25 hoặc 27 duyên tùy trường hợp.

Hãy hiểu và quán 10 duyên danh câu sinh và một thường cận y theo mẫu danh uẩn xác định. Sau đây chỉ nêu các điểm khác.

2. Nhóm cảnh. Bốn danh uẩn khai ý môn lấy cảnh theo cách thông thường được trợ như sau. (a) Có lúc lấy làm cảnh một trong 89 tâm hoặc 52 tâm sở…

Cảnh, vô gián và sắc vật trợ khai ý môn

Miến / Burmese 68

… hoặc 18 sắc thực tính quá khứ hay vị lai, mười sắc phi thực tính thuộc ba thời, Niết-bàn hoặc chế định. Một cảnh thích hợp trong sáu loại cảnh trợ bằng cảnh duyên (1). (b) Khi lấy một trong 18 sắc thực tính hiện tại làm cảnh thông thường, sắc ấy trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4). (c) Khi lấy sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử làm cảnh thông thường lúc cận tử, sắc ấy trợ bằng cảnh, y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

3. Nhóm vô gián. Danh uẩn hữu phần dứt dòng đã diệt ngay trước, thuộc một trong 19 loại, trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Nhóm sắc vật. Trong 15 loại hữu phần ở cõi ngũ uẩn, sắc ý vật đã sinh cùng sát-na sinh của hữu phần thích hợp ngay trước khai ý môn trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). Chỉ khác ở những điểm này.

Tốc hành đại thiện thứ nhất hợp trí ở ý môn

Miến / Burmese 69

Hãy quán sắc uẩn theo mẫu đã nêu.

Lộ ý môn có tốc hành đại thiện hợp trí khởi lên khi lấy làm cảnh một trong 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc, Niết-bàn hoặc chế định, thuộc sáu loại cảnh. Trong lộ này, danh uẩn tốc hành đại thiện thứ nhất hợp trí được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (1, 4, 6 hoặc 3), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1). Tùy trường hợp có 25, 28, 30 hoặc 27 duyên cùng trợ theo sức thích hợp.

Danh uẩn ấy gồm tâm tốc hành đại thiện thứ nhất hợp trí cùng các tâm sở tương ứng trong số 33, trừ các tâm sở ly và vô lượng.

Danh câu sinh của tốc hành đại thiện hợp trí

Miến / Burmese 70

1. (a) Tâm tốc hành thứ nhất đại thiện hợp trí và các tâm sở ấy trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Vô tham, vô sân và vô si trong các danh uẩn ấy trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên. (c) Khi có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng câu sinh trưởng duyên.

(d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (f) Tám danh quyền trợ bằng quyền. (g) Hỷ thọ có năm chi thiền, xả thọ có bốn chi trừ hỷ, trợ bằng thiền. (h) Tuệ, tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm là năm chi đạo trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

2. Bốn danh uẩn tốc hành đại thiện hợp trí có thể lấy cảnh thông thường trong sáu loại cảnh, gồm 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc, Niết-bàn và chế định, như sau…

Cảnh thường, cảnh được xem trọng và vô gián

Miến / Burmese 71

(a) Có lúc một trong 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 18 sắc thực tính quá khứ hay vị lai, mười sắc phi thực tính thuộc ba thời, hoặc chế định được lấy làm cảnh thông thường và trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Khi một trong 18 sắc thực tính hiện tại được lấy làm cảnh thông thường, nó trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

(c) Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, khi làm cảnh thông thường, trợ bằng cảnh, y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

Khi cảnh được xem trọng, danh uẩn của một trong 20 tâm thiện trừ đạo A-la-hán, một trong ba quả thấp hơn, hoặc Niết-bàn trợ bằng cảnh, cảnh trưởng và cảnh cận y (3).

3. Danh uẩn khai ý môn đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

Ghi chú. Nếu xét danh uẩn tốc hành thứ hai, danh uẩn tốc hành thứ nhất đã diệt trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6). Chỉ điểm này khác…

Sắc ý vật, thường cận y và tốc hành đại thiện ly trí

Miến / Burmese 72

… Tốc hành thứ ba và các tốc hành sau cũng chỉ có thêm một duyên trùng dụng theo cùng cách.

4. Sắc ý vật sinh cùng khai ý môn trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Các pháp có sức mạnh gồm 87 tâm trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các danh uẩn sinh và tồn tại nhờ 25, 28, 30 hoặc 27 duyên ấy cùng trợ tùy trường hợp. Hãy quán tốc hành thứ hai và các tốc hành sau theo mẫu này. Với đăng ký, hãy theo mẫu đã nêu ở ngũ môn.

Lộ ý môn có tốc hành đại thiện ly trí khởi lên khi lấy làm cảnh một pháp trong 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc hoặc chế định, thuộc sáu loại cảnh. Sau đây là các duyên trợ danh uẩn tốc hành thứ nhất trong lộ ấy…

Nhóm duyên của tốc hành đại thiện ly trí

Miến / Burmese 73

… danh câu sinh (13), cảnh (1, 4, 6 hoặc 3), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1). Tổng số là 25, 28, 30 hoặc 27 tùy trường hợp. Với tốc hành thứ hai trở đi, thêm trùng dụng vào nhóm vô gián.

Ghi chú. Hãy quán các nhóm câu sinh, vô gián, sắc vật và thường cận y theo mẫu đã nêu.

Nhóm cảnh. Bốn danh uẩn tốc hành đại thiện ly trí lấy cảnh thông thường được trợ như sau. (a) Một trong 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 18 sắc thực tính quá khứ hoặc vị lai, mười sắc phi thực tính thuộc ba thời hoặc chế định có thể trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Khi một trong 18 sắc thực tính hiện tại được lấy làm cảnh thông thường, nó trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

Cảnh được xem trọng và các chi duyên ở tâm ly trí

Miến / Burmese 74

(c) Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, khi làm cảnh thông thường, trợ bằng cảnh, y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

Khi cảnh được xem trọng, các danh uẩn của một trong 17 tâm thiện hiệp thế làm cảnh pháp có thể trợ bằng cảnh, cảnh trưởng và cảnh cận y (3).

Các nhóm câu sinh, cảnh, vô gián, sắc vật và thường cận y cộng lại thành 25, 28, 30 hoặc 27 duyên tùy trường hợp. Chúng cùng trợ theo sức thích hợp để danh uẩn sinh và tồn tại.

Ghi chú. Vì tốc hành đại thiện ly trí không tương ưng với tuệ quyền nên hai nhân vô tham và vô sân trợ bằng nhân duyên. Bảy danh quyền gồm mạng, tâm, thọ, tín, tinh tấn, niệm và nhất tâm trợ bằng quyền. Bốn chi đạo gồm tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm trợ bằng đạo. Hãy quán theo mẫu ấy.

Đăng ký đại quả hữu nhân trong lộ ý môn

Miến / Burmese 75

Bốn danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân trong lộ ý môn được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5), nhóm nghiệp dị thời (2) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 30 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Hãy hiểu các nhóm câu sinh, cảnh và vô gián của đăng ký ở ý môn theo mẫu ngũ môn. Sau đây trình bày nhóm sắc vật và các nhóm còn lại.

4. Với đăng ký thứ nhất, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của danh uẩn tốc hành dục giới thứ bảy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). Với đăng ký thứ hai, sắc ý vật đã sinh cùng sát-na sinh của danh uẩn đăng ký thứ nhất…

Nghiệp trợ đăng ký và nhóm đăng ký vô nhân

Miến / Burmese 76

… trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Nhóm nghiệp dị thời. (a) Bốn danh uẩn của một trong mười tâm đăng ký quả thiện được một nghiệp thiện dục giới quá khứ có sức mạnh trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2). (b) Bốn danh uẩn của tâm đăng ký quả bất thiện xả thọ được một trong mười hai nghiệp bất thiện quá khứ có sức mạnh trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

6. Thường cận y như trước.

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 30 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Danh uẩn của ba loại tâm đăng ký vô nhân. Các danh uẩn của đăng ký vô nhân thứ nhất được trợ bởi danh câu sinh (11), cảnh (4)…

Đăng ký vô nhân và sắc vật lúc cận tử

Miến / Burmese 77

… vô gián (5), sắc vật (5), nhóm nghiệp dị thời (2) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Ở ba tâm đăng ký vô nhân, hiểu nhóm câu sinh theo ba tâm suy đạc. Các nhóm cảnh và nhóm khác thì hiểu theo đăng ký hữu nhân.

Lúc cận tử, bốn danh uẩn của khai ý môn, 29 tốc hành dục giới, 11 đăng ký và tâm tử được sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). Do các duyên ấy trợ, các danh uẩn sinh và tồn tại.

Nếu tốc hành trong lộ ý môn dục giới là tốc hành căn tham, hãy quán khai ý môn và đăng ký theo mẫu đã nêu. Sau đây trình bày sự sinh khởi của danh uẩn tốc hành căn tham.

Danh uẩn tốc hành căn tham ở ý môn

Miến / Burmese 78

Các pháp trợ gồm câu sinh (13), cảnh (a) 1, 4 hoặc 6, hay (b) 3, 6 hoặc 8, vô gián (6), sắc vật (5) và thường cận y (1). Tùy nhóm cảnh, có 26, 29 hoặc 31 duyên, hoặc 28, 31 hoặc 33 duyên. Các duyên cùng trợ theo sức thích hợp để danh uẩn sinh và tồn tại.

1. (a) Một trong tám tâm căn tham và các tâm sở tương ứng trong số 22, trừ sân, tật, xan, hối và nghi, trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tham và si trong danh uẩn căn tham trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên. (c) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh…

Trưởng, quyền, thiền, đạo và cảnh thường của tốc hành căn tham

Miến / Burmese 79

… (d) Một trong dục, tinh tấn và tâm trợ bằng trưởng duyên. (e) Xúc, tư và thức là ba danh vật thực trợ bằng vật thực duyên. (f) Mạng, tâm, thọ, tinh tấn và nhất tâm là năm danh quyền trợ bằng quyền duyên. (g) Bốn tâm hỷ thọ có năm chi thiền, bốn tâm xả thọ có bốn chi thiền trừ hỷ, trợ bằng thiền duyên. (h) Bốn tâm hợp tà kiến có bốn chi đạo là tầm, tinh tấn, nhất tâm và tà kiến. Bốn tâm ly tà kiến có ba chi, trừ tà kiến. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

2. (A) Với cảnh thông thường, bốn danh uẩn của một trong tám tâm căn tham được trợ như sau. (a) Một trong 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 18 sắc thực tính quá khứ hoặc vị lai, mười sắc phi thực tính thuộc ba thời hoặc chế định có thể trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Khi một trong 18 sắc thực tính hiện tại được lấy làm cảnh thông thường, nó trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

(c) Lúc cận tử, sắc ý vật có thể làm cảnh thông thường. Đó là sắc đã sinh cùng sát-na sinh của tâm…

Cảnh được xem trọng của tốc hành căn tham

Miến / Burmese 80

… thứ 17 tính ngược từ tâm tử, trợ bằng cảnh, tiền sinh, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

2. (B) Với cảnh được xem trọng, bốn danh uẩn của một trong tám tâm căn tham được trợ như sau. (a) 76 tâm hiệp thế, trừ hai tâm căn sân, hai tâm căn si và thân thức khổ thọ, 47 tâm sở trừ sân, tật, xan, hối và nghi, hoặc một trong 18 sắc thực tính quá khứ hay vị lai, khi được xem trọng, trợ bằng cảnh, cảnh trưởng và cảnh cận y (3).

(b) Một trong 18 sắc thực tính hiện tại được xem trọng trợ bằng cảnh, cảnh trưởng, cảnh cận y, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (6). (c) Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, nếu được xem trọng, trợ bằng cảnh, trưởng, y chỉ, cận y, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (8).

3. Với bốn danh uẩn tốc hành thứ nhất, pháp trợ ngay trước là danh uẩn khai ý môn đã diệt…

Vô gián, sắc vật và thường cận y trong tốc hành căn tham

Miến / Burmese 81

… với tốc hành thứ hai, pháp trợ ngay trước là bốn danh uẩn tốc hành thứ nhất đã diệt, pe, với tốc hành thứ bảy, là bốn danh uẩn tốc hành thứ sáu đã diệt. Các danh uẩn liền trước trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6), tùy vị trí tốc hành.

4. Sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của khai ý môn trợ tốc hành thứ nhất, pe, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tốc hành thứ sáu trợ tốc hành thứ bảy. Chúng trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5). Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử cũng trợ bằng năm duyên này.

Các pháp có sức mạnh gồm 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các danh uẩn sinh và tồn tại nhờ 26, 29 hoặc 31 duyên, hoặc theo trường hợp kia là 28, 31 hoặc 33 duyên, cùng trợ theo sức thích hợp.

Tốc hành căn sân, căn si và tâm sinh nụ cười

Miến / Burmese 82

Danh uẩn tốc hành căn sân hoặc căn si thứ nhất ở ý môn được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 28 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Hãy quán theo mẫu ngũ môn. Trong nhóm vô gián, khai ý môn trợ tốc hành thứ nhất, tốc hành thứ nhất trợ tốc hành thứ hai, pe, tốc hành thứ sáu trợ tốc hành thứ bảy. Hãy hiểu nhóm sắc vật tương tự.

Trong dòng tương tục của các bậc A-la-hán, tốc hành duy tác đảm nhiệm vị trí tốc hành trong các lộ ngũ môn và ý môn. Đó là tâm duy tác sinh nụ cười (hasituppāda) và các tâm tốc hành đại duy tác. Khi lấy một cảnh không cao quý, chẳng hạn một đống xương, tâm làm nở nụ cười trong dòng tương tục của bậc A-la-hán…

Tâm sinh nụ cười trong lộ ngũ môn

Miến / Burmese 83

… là tâm duy tác sinh nụ cười. Các tốc hành minh sát sinh trong dòng tương tục của bậc A-la-hán là các tâm tốc hành đại duy tác. Hãy hiểu tương tự các tốc hành duy tác dục giới sinh liên hệ với ba học là giới, định và tuệ.

Nếu vẫn ở địa vị phàm nhân hoặc bậc Thánh hữu học, hành giả chưa cần quán các mối duyên Paṭṭhāna của những tốc hành duy tác ấy. Chỉ khi đạt quả vị A-la-hán tùy theo ba-la-mật mới quán chúng. Phần sau được viết để có thể quán khi thích hợp. Trước hết là các mối duyên của danh uẩn tâm sinh nụ cười ở lộ ngũ môn.

Danh uẩn của tốc hành sinh nụ cười thứ nhất gồm tâm ấy và 12 tâm sở tợ tha, trừ dục. Các nhóm pháp trợ gồm danh câu sinh (10), cảnh (4), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Các duyên trợ tốc hành sinh nụ cười ở ngũ môn

Miến / Burmese 84

1. (a) Tâm tốc hành sinh nụ cười thứ nhất và 12 tâm sở tợ tha trừ dục trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Tư trong danh uẩn ấy trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (d) Mạng, tâm, thọ, tinh tấn và nhất tâm là năm danh quyền trợ bằng quyền. (e) Năm chi thiền trợ bằng thiền. Cộng 6 + 4 = 10.

Ghi chú. Cảnh, vô gián và sắc vật trợ giống như đã nêu với danh uẩn của tốc hành đại thiện thứ nhất.

Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 25 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Ghi chú. Từ tốc hành thứ hai, có thêm trùng dụng. Hãy quán theo mẫu ấy. Tốc hành đại duy tác cũng theo mẫu của tốc hành đại thiện. Trong các lộ ngũ môn có tốc hành sinh nụ cười hay tốc hành đại duy tác, các tâm khai ngũ môn…

Tốc hành sinh nụ cười ở ý môn

Miến / Burmese 85

… ngũ thức, tiếp thọ, suy đạc, xác định và đăng ký cũng được ghi nhận và quán như đã trình bày. Sau đây là lộ ý môn có tốc hành sinh nụ cười hoặc tốc hành đại duy tác.

Một tâm sinh nụ cười và 12 tâm sở tợ tha, trừ dục, là bốn danh uẩn được trợ. Các nhóm pháp trợ là danh câu sinh (10), cảnh (1, 4 hoặc 6), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1). Tùy trường hợp có 22, 25 hoặc 27 duyên trợ cho chúng sinh và tồn tại.

1. (a) Tâm sinh nụ cười và 12 tâm sở ấy trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6)…

Danh câu sinh và cảnh của tâm sinh nụ cười ở ý môn

Miến / Burmese 86

… (b) Tư trong danh uẩn sinh nụ cười trợ bằng nghiệp câu sinh. (c) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (d) Ba danh quyền mạng, tâm và thọ trợ bằng quyền. (e) Năm chi thiền trợ bằng thiền. Cộng 6 + 4 = 10.

2. Bốn danh uẩn sinh nụ cười lấy cảnh thông thường được trợ như sau. (a) Một trong 54 tâm dục giới, 52 tâm sở, 18 sắc thực tính quá khứ hay vị lai, hoặc mười sắc phi thực tính thuộc ba thời, nếu lấy làm cảnh thông thường trong sáu loại cảnh dục, trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Khi một trong 18 sắc thực tính hiện tại được lấy làm cảnh thông thường, nó trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

(c) Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, khi làm cảnh thông thường, trợ bằng cảnh, y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

3. Danh uẩn khai ý môn đã diệt ngay trước…

Từ tốc hành sinh nụ cười sang tốc hành đại duy tác hợp trí

Miến / Burmese 87

… trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của danh uẩn khai ý môn trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Các pháp có sức mạnh gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc và một số chế định thích hợp làm duyên, trợ bằng thường cận y (1).

Các danh uẩn sinh và tồn tại nhờ 22, 25 hoặc 27 duyên này cùng trợ theo sức thích hợp. Từ tốc hành thứ hai, thêm trùng dụng, nên có 23, 26 hoặc 28 duyên. Hãy quán khai ý môn và đăng ký theo mẫu đã nêu.

Lộ ý môn có tốc hành đại duy tác hợp trí sinh khi lấy làm cảnh một trong 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc, Niết-bàn hoặc chế định, thuộc sáu loại cảnh. Hãy quán khai ý môn theo mẫu lộ tốc hành đại thiện. Sau đây trình bày tốc hành đại duy tác hợp trí.

Danh câu sinh của tốc hành đại duy tác thứ nhất

Miến / Burmese 88

Danh uẩn của tốc hành đại duy tác thứ nhất được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (1, 4, 6 hoặc 3), vô gián (5), sắc vật (5) và thường cận y (1). Các pháp ấy sinh và tồn tại nhờ 25, 28, 30 hoặc 27 duyên cùng trợ theo sức thích hợp.

1. (a) Các danh uẩn của tốc hành đại duy tác thứ nhất trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Ở tốc hành nhị nhân, vô tham và vô sân trợ. Ở tốc hành tam nhân, vô tham, vô sân và vô si trợ. Hai hoặc ba nhân trợ bằng nhân duyên. (c) Khi có pháp trưởng, một trong dục, tinh tấn và tâm ở tốc hành nhị nhân, hoặc một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát ở tốc hành tam nhân, trợ bằng trưởng duyên.

Quyền, thiền, đạo và cảnh của tốc hành đại duy tác

Miến / Burmese 89

(d) Tư trong danh uẩn tốc hành thứ nhất trợ các uẩn tương ưng bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức trợ bằng vật thực. (f) Bảy danh quyền trừ tuệ ở nhị nhân, hoặc tám ở tam nhân, trợ bằng quyền. (g) Hỷ thọ có năm chi thiền, xả thọ có bốn, trợ bằng thiền. (h) Ở nhị nhân, tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm là bốn chi đạo. Ở tam nhân, có thêm tuệ, thành năm. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

2. Với cảnh thông thường, bốn danh uẩn của tốc hành đại duy tác thứ nhất được trợ như sau. (a) Một trong 89 tâm, 52 tâm sở, 18 sắc thực tính quá khứ hoặc vị lai, mười sắc phi thực tính thuộc ba thời hoặc chế định trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Khi một trong 18 sắc thực tính hiện tại được lấy làm cảnh thông thường, nó trợ bằng cảnh, tiền sinh, hiện hữu và bất ly (4).

Cảnh cận tử và cảnh được xem trọng của tốc hành đại duy tác

Miến / Burmese 90

(c) Lúc cận tử, sắc ý vật sinh cùng sát-na sinh của tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, khi làm cảnh thông thường, trợ bằng cảnh, y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

(c) Với cảnh được xem trọng, bốn danh uẩn của tốc hành đại duy tác thứ nhất hợp trí được một trong các cảnh pháp là đạo A-la-hán, quả A-la-hán hoặc Niết-bàn trợ bằng cảnh, cảnh trưởng và cảnh cận y (3).

Ghi chú. Hiểu nhóm vô gián, sắc vật và thường cận y theo mẫu tốc hành đại thiện.

Các danh uẩn sinh và tồn tại nhờ 25, 28, 30 hoặc 27 duyên cùng trợ theo sức thích hợp. Ghi chú. Từ tốc hành thứ hai, thêm trùng dụng trong nhóm vô gián, thành 26, 29, 31 hoặc 28 duyên tương ứng.

Tốc hành dục giới và tốc hành an chỉ

Miến / Burmese 91

Tốc hành an chỉ trong lộ ý môn.

1. Sau tâm đại thiện hỷ thọ hợp trí, dù vô trợ hay hữu trợ, có thể sinh các tốc hành an chỉ hỷ thọ sau: (a) 4 thiện đáo đại, (b) 16 đạo và (c) 12 quả bậc thấp, cộng 32.

2. Sau tâm đại thiện xả thọ hợp trí, dù vô trợ hay hữu trợ, có thể sinh các tốc hành an chỉ xả thọ sau: (a) 5 thiện đáo đại, (b) 4 đạo và (c) 3 quả bậc thấp, cộng 12.

3. Sau tâm đại duy tác hỷ thọ hợp trí, dù vô trợ hay hữu trợ, có thể sinh các tốc hành an chỉ sau…

Các loại an chỉ duy tác và lộ thiện đáo đại

Miến / Burmese 92

… (a) 4 duy tác đáo đại hỷ thọ và (b) 4 quả A-la-hán hỷ thọ, cộng 8. 4. Sau tâm đại duy tác xả thọ hợp trí, dù vô trợ hay hữu trợ, có thể sinh (a) 5 duy tác đáo đại xả thọ và (b) 1 quả A-la-hán xả thọ, cộng 6.

Lộ tốc hành thiện đáo đại có 9 lộ lúc mới thực hành và 9 lộ nhập định, cộng 18.

Lộ thiện đáo đại lúc mới thực hành gồm hữu phần rung động, hữu phần dứt dòng, khai ý môn, chuẩn bị (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma) và chuyển tộc (gotrabhū). Sau đó, một trong chín tốc hành thiện đáo đại lúc mới thực hành sinh đúng một lần, làm chức năng định an chỉ rồi diệt. Tiếp theo, một trong 13 tâm hữu phần tam nhân…

Lộ nhập định và các duyên trợ danh uẩn thiện đáo đại

Miến / Burmese 93

… sinh rồi diệt, làm chức năng hữu phần, hữu phần nối tiếp hữu phần tùy trường hợp.

Lộ nhập định thiện đáo đại gồm hữu phần rung động, hữu phần dứt dòng, khai ý môn, chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc. Sau đó, một trong chín tốc hành thiện đáo đại sinh nhiều lần, làm chức năng định an chỉ như dòng hữu phần rồi diệt. Tiếp theo, một trong 13 tâm hữu phần tam nhân sinh rồi diệt, làm chức năng hữu phần, hữu phần nối tiếp hữu phần tùy trường hợp.

Bốn danh uẩn thuộc một trong chín tốc hành thiện đáo đại được trợ bởi danh câu sinh (13), cảnh (1), vô gián (6), sắc vật (5) và thường cận y (1).

Các pháp được trợ phát sinh và tồn tại nhờ 26 duyên này cùng trợ, mỗi duyên theo sức thích hợp.

Danh câu sinh trong chín tốc hành thiện đáo đại

Miến / Burmese 94

1. (a) Các danh uẩn của một trong chín tâm thiện đáo đại trợ lẫn nhau bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6). (b) Vô tham, vô sân và vô si trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên. (c) Một trong dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng trưởng duyên. (d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh. (e) Xúc, tư và thức là ba danh vật thực, trợ bằng vật thực. (f) Mạng, tâm, thọ, tín, tinh tấn, niệm, nhất tâm và tuệ là tám danh quyền, trợ bằng quyền.

(g) Tâm thiện đáo đại sơ thiền có năm chi thiền, nhị thiền có bốn, tam thiền có ba, tứ thiền có hai và ngũ thiền có hai. Chúng trợ bằng thiền duyên. (h) Ở sơ thiền có năm chi đạo trừ các tâm sở ly. Ở nhị, tam, tứ và ngũ thiền có bốn chi đạo, trừ thêm tầm. Chúng trợ bằng đạo duyên. Cộng 6 + 7 = 13.

Các cảnh chế định trợ thiền sắc giới

Miến / Burmese 95

2. Bốn danh uẩn thiện sơ thiền sắc giới được trợ bởi một cảnh chế định thích hợp trong 25 cảnh sau: (a) mười kasiṇa, (b) mười đề mục bất tịnh, (c) 32 thể trược làm cảnh cho thân hành niệm, (d) tướng hơi thở vào và ra, tức tợ tướng của niệm hơi thở, (e) chúng sinh an vui hoặc đau khổ làm cảnh của từ, (f) chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi, và (g) chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ. Cảnh ấy trợ bằng cảnh duyên (1).

Các cảnh trợ bốn danh uẩn thiện nhị, tam và tứ thiền sắc giới gồm (a) mười kasiṇa, (b) tợ tướng hơi thở vào và ra, (c) chúng sinh an vui hoặc đau khổ làm cảnh của từ, (d) chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi và (e) chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ…

Cảnh duyên của ngũ thiền sắc giới và các tầng thiền vô sắc

Miến / Burmese 96

… Trong 14 cảnh chế định ấy, một cảnh chế định thích hợp làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Các pháp được trợ là bốn danh uẩn thiện ngũ thiền sắc giới. Các cảnh là (a) mười chế định kasiṇa, (b) chế định hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức tợ tướng hơi thở, (c) chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh cho phạm trú xả. Một cảnh thích hợp trong 12 cảnh chế định ấy làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Bốn danh uẩn thiện không vô biên xứ là pháp được trợ. Chế định hư không có được khi loại bỏ một trong chín kasiṇa, trừ kasiṇa hư không, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Bốn danh uẩn thiện thức vô biên xứ là pháp được trợ. Các danh uẩn thiện không vô biên xứ thuộc quá khứ làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Bốn danh uẩn thiện vô sở hữu xứ là pháp được trợ. Chế định về sự vắng mặt (natthibhāvapaññatti), tức sự không có tâm thiền không vô biên xứ, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Bốn danh uẩn thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ là pháp được trợ. Các danh uẩn thiện vô sở hữu xứ thuộc quá khứ làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Các duyên vô gián trợ tốc hành thiện đáo đại

Miến / Burmese 97

3. Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ đầu tiên (4 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū), vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (4 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên, vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả đầu tiên (5 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū), vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (5 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên, vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

Các duyên thuộc nhóm vật trợ tốc hành thiện đáo đại

Miến / Burmese 98

4. Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ đầu tiên (4 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (4 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả đầu tiên (5 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (5 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành thiện đáo đại câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Thường cận y và danh uẩn tốc hành duy tác đáo đại

Miến / Burmese 99

5. Pháp được trợ là bốn danh uẩn của chín loại tốc hành thiện đáo đại. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 87 tâm, trừ đạo và quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc pháp và một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Nếu người thiện đang học đạt đến quả vị A-la-hán và cũng chứng được các thiền chứng, vị ấy có thể quán phần trình bày dưới đây về các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của tốc hành duy tác đáo đại.

Danh uẩn tốc hành duy tác đáo đại

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của chín loại tốc hành duy tác đáo đại —

1. Nhóm câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 6.

4. Nhóm vật — 5.

5. Thường cận y — 1.

Các pháp được trợ ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Các duyên câu sinh của tốc hành duy tác đáo đại

Miến / Burmese 100

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của chín loại tốc hành duy tác đáo đại.

1. (a) Chín loại tốc hành duy tác đáo đại cùng 35 tâm sở trừ các tâm sở ly là những pháp trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

(b) Ba nhân vô tham, vô sân và vô si thuộc danh uẩn của chín loại tốc hành duy tác đáo đại trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

(c) Một trong bốn pháp dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng trưởng duyên.

(d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(e) Xúc, tư và thức, ba danh thực, trợ bằng thực duyên.

(f) Tám danh quyền gồm mạng, tâm, thọ, tín, tấn, niệm, nhất tâm và tuệ trợ bằng quyền duyên.

(g) Khi tâm duy tác đáo đại sinh khởi, các chi thiền làm pháp trợ bằng thiền duyên:
• Sơ thiền (1 tâm) — 5 chi thiền.
• Nhị thiền (1 tâm) — 4 chi thiền.
• Tam thiền (1 tâm) — 3 chi thiền.
• Tứ thiền (1 tâm) — 2 chi thiền.
• Ngũ thiền (5 tâm) — 2 chi thiền.

(h) Khi tâm duy tác đáo đại sơ thiền (1) sinh khởi, có năm chi đạo, trừ các tâm sở ly. Khi tâm duy tác đáo đại nhị thiền (1), tam…

Chi đạo và các cảnh của tốc hành duy tác đáo đại

… thiền (1), tứ thiền (1) hay ngũ thiền (5) sinh khởi, bốn chi đạo, trừ các tâm sở ly và tầm, làm pháp trợ bằng đạo duyên (7). Tổng cộng 6 + 7 = 13.

2. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác sơ thiền sắc giới. Một cảnh chế định trong 25 cảnh chế định làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác nhị thiền, tam thiền và tứ thiền sắc giới. Một cảnh chế định trong 14 cảnh chế định làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác ngũ thiền sắc giới. Một cảnh chế định trong 12 cảnh chế định làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác không vô biên xứ. Chế định hư không có được khi loại bỏ một trong chín kasiṇa, trừ kasiṇa hư không, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(e) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác thức vô biên xứ. Một trong hai cảnh quá khứ, thiện hoặc duy tác không vô biên xứ, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

[Ghi chú — Thiện không vô biên xứ từng sinh trong dòng tương tục của chính mình ở đời này hoặc đời trước, và duy tác không vô biên xứ từng sinh trong dòng tương tục của chính mình ở đời này…

Cảnh vô sắc và nhóm duyên vô gián

… Cả hai, thiện và duy tác, đều có thể làm cảnh của các danh uẩn tốc hành duy tác thức vô biên xứ.]

(f) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác vô sở hữu xứ. Chế định về sự vắng mặt, tức sự không có tâm thiền không vô biên xứ, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(g) Pháp được trợ là bốn danh uẩn duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ. Một trong hai cảnh quá khứ, thiện hoặc duy tác vô sở hữu xứ, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu hỷ đầu tiên (4 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū), vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu xả đầu tiên (5 loại). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū), vừa diệt ngay trước đó. Các pháp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

(c) Các tốc hành duy tác đáo đại từ tốc hành thứ hai trở đi…

Nhóm duyên vô gián và nhóm duyên thuộc vật

Miến / Burmese 103

… câu hữu hỷ hoặc câu hữu xả có bốn danh uẩn là pháp được trợ. Các danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại cùng loại, câu hữu hỷ hoặc câu hữu xả, vừa diệt ngay trước đó, kể từ tốc hành đầu tiên, làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

4. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu hỷ đầu tiên (4 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành duy tác đáo đại câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (4 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu xả đầu tiên (5 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Thường cận y và danh uẩn tốc hành Thánh đạo

Miến / Burmese 104

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của các tốc hành duy tác đáo đại câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (5 loại). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành duy tác đáo đại câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Pháp được trợ là bốn danh uẩn của chín loại tốc hành duy tác đáo đại. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp và một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Danh uẩn tốc hành Thánh đạo

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành Thánh đạo —

1. Nhóm câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 3.

3. Nhóm vô gián — 6.

4. Nhóm vật — 5.

5. Thường cận y — 1.

Các pháp được trợ ấy sinh khởi và tồn tại vì 28 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Các duyên câu sinh của tốc hành Thánh đạo

Miến / Burmese 105

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành Thánh đạo.

1. (a) 20 loại tốc hành Thánh đạo cùng 36 tâm sở trừ các tâm sở vô lượng là những pháp trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

(b) Ba nhân vô tham, vô sân và vô si thuộc danh uẩn của 20 loại tốc hành Thánh đạo trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

(c) Một trong bốn pháp dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng trưởng duyên.

(d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(e) Xúc, tư và thức, ba danh thực, trợ bằng thực duyên.

(f) Tám danh quyền gồm mạng, tâm, thọ, tín, tấn, niệm, nhất tâm và tuệ trợ bằng quyền duyên.

(g) Khi tâm Thánh đạo sinh khởi, các chi thiền làm pháp trợ bằng thiền duyên:
• Sơ thiền (4 tâm) — 5 chi thiền.
• Nhị thiền (4 tâm) — 4 chi thiền.
• Tam thiền (4 tâm) — 3 chi thiền.
• Tứ thiền (4 tâm) — 2 chi thiền.
• Ngũ thiền (4 tâm) — 2 chi thiền.

(h) Khi một trong bốn tâm đạo sơ thiền sinh khởi, có tám chi đạo. Khi tâm đạo nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hay ngũ thiền sinh khởi…

Cảnh Niết-bàn và các duyên trợ Thánh đạo

… bảy chi đạo, trừ tầm, làm pháp trợ bằng đạo duyên (7). Tổng cộng 6 + 7 = 13.

2. Cảnh Niết-bàn làm pháp trợ bằng cảnh duyên, cảnh trưởng duyên và cảnh cận y duyên (3).

3. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 16 loại tốc hành Thánh đạo câu hữu hỷ. Pháp trợ là các danh uẩn đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū) hoặc thanh lọc (vodāna), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 4 loại tốc hành Thánh đạo câu hữu xả. Pháp trợ là các danh uẩn đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc (gotrabhū) hoặc thanh lọc (vodāna), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, trùng dụng, vô hữu và ly khứ (6).

4. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 16 loại tốc hành Thánh đạo câu hữu hỷ. Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự chuyển tộc hoặc thanh lọc. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của bốn loại tốc hành Thánh đạo câu hữu xả. Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn làm phận sự chuyển tộc hoặc thanh lọc…

Thường cận y của bốn Thánh đạo

Miến / Burmese 107

… đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành đạo Nhập lưu. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành đạo Nhất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành đạo Bất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành đạo A-la-hán. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên…

Quả định và sự sinh khởi của 20 tốc hành quả liền sau đạo

Miến / Burmese 108

… Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 28 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Phần quả định (phalasamāpatti)

Sự sinh khởi của 20 tốc hành quả liền sau đạo

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành quả liền sau đạo —

1. Nhóm câu sinh — 14.

2. Nhóm cảnh — 3.

3. Nhóm vô gián — 6.

4. Nhóm vật — 5.

5. Thường cận y — 1.

Các pháp được trợ ấy sinh khởi và tồn tại vì 29 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành quả liền sau đạo.

1. (a) 20 loại tốc hành quả liền sau đạo cùng 36 tâm sở trừ các tâm sở vô lượng là những pháp trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

(b) Vô tham, vô sân và vô si thuộc danh uẩn của 20 loại tốc hành quả liền sau đạo trợ các uẩn tương ưng…

Các duyên câu sinh, cảnh và vô gián của quả liền sau đạo

Miến / Burmese 109

… Ba nhân ấy làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Một trong bốn pháp dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng trưởng duyên.

(d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(e) Xúc, tư và thức, ba danh thực, trợ bằng thực duyên.

(f) Tám danh quyền gồm mạng, tâm, thọ, tín, tấn, niệm, nhất tâm và tuệ trợ bằng quyền duyên.

(g) Khi tâm quả liền sau đạo sinh khởi, các chi thiền làm pháp trợ bằng thiền duyên:
• Sơ thiền (4 tâm) — 5 chi thiền.
• Nhị thiền (4 tâm) — 4 chi thiền.
• Tam thiền (4 tâm) — 3 chi thiền.
• Tứ thiền (4 tâm) — 2 chi thiền.
• Ngũ thiền (4 tâm) — 2 chi thiền.

(h) Khi tâm quả liền sau đạo thuộc sơ thiền sinh khởi, có tám chi đạo. Khi tâm quả liền sau đạo thuộc nhị thiền (4), tam thiền (4), tứ thiền (4) hay ngũ thiền (4) sinh khởi, bảy chi đạo, trừ tầm, làm pháp trợ bằng đạo duyên (7). Tổng cộng 7 + 7 = 14.

2. Cảnh Niết-bàn làm pháp trợ bằng cảnh duyên, cảnh trưởng duyên và cảnh cận y duyên (3).

3. Trong 20 loại tốc hành Thánh đạo, các danh uẩn của tốc hành đạo tương ứng vừa diệt ngay trước đó làm pháp trợ bằng…

Duyên thuộc vật và thường cận y của quả liền sau đạo

Miến / Burmese 110

… vô gián, đẳng vô gián, cận y, nghiệp, vô hữu và ly khứ (6).

4. Trong 20 loại tốc hành Thánh đạo, ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn thuộc tốc hành Thánh đạo tương ứng làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Nhập lưu. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Nhất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Bất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả A-la-hán. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế…

Tốc hành quả trong quả định

Miến / Burmese 111

… đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, đạo A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc pháp và một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 29 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của 20 tốc hành quả trong quả định

Có hữu phần rung động, hữu phần dứt dòng, hướng ý môn, rồi thuận thứ (anuloma) bốn hoặc ba lần. Kế đó tâm quả Nhập lưu, hoặc tâm quả Nhất lai, tâm quả Bất lai hay tâm quả A-la-hán, sinh khởi và diệt nhiều lần liên tiếp như dòng hữu phần. Sau đó, một hữu phần tam nhân thích hợp trong 13 hữu phần tam nhân sinh khởi và diệt, hữu phần nối tiếp hữu phần… làm phận sự hữu phần cho đến mức thích hợp.

[Ghi chú — Trong lộ trình quả định Nhập lưu, Nhất lai và Bất lai, tâm làm phận sự thuận thứ là một trong bốn tâm đại thiện tương ưng trí. Trong lộ trình quả định A-la-hán, tâm làm phận sự thuận thứ là một trong bốn tâm đại duy tác tương ưng trí. Vị Nhập lưu có thể nhập quả định Nhập lưu, vị Nhất lai có thể nhập quả định Nhất lai, vị Bất lai có thể nhập quả định Bất lai và vị A-la-hán có thể nhập quả định A-la-hán…

Phân biệt quả liền sau đạo và quả định

Miến / Burmese 112

… theo quả của mình. Khi nhập quả định tương ứng, có thể quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna như dưới đây, cả đối với tốc hành Thánh quả trong quả định và đối với các tốc hành quả trong lộ trình đạo khác với tốc hành quả liền sau đạo.]

Điều đặc biệt cần ghi nhớ

Trong lộ trình Thánh đạo, sau Thánh đạo, tốc hành Thánh quả tương ứng sinh hai hoặc ba lần. Tốc hành quả liền sau đạo là tốc hành Thánh quả tương ứng sinh ngay sát sau Thánh đạo. Nói rõ hơn, khi tốc hành Thánh quả sinh hai hoặc ba lần trong lộ trình đạo, tốc hành Thánh quả thứ nhất là quả liền sau đạo. Tốc hành Thánh quả thứ hai, hoặc tốc hành Thánh quả thứ hai và thứ ba, là các tốc hành quả khác với quả liền sau đạo.

Các bậc Thánh thiện có thể nhập lại Thánh quả mình đã chứng. Đó gọi là quả định (phalasamāpatti). Hãy ghi nhớ rằng các tốc hành quả trong lộ trình quả định cũng thuộc các tốc hành quả khác với quả liền sau đạo.

Các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của quả liền sau đạo đã được trình bày. Sau đây sẽ trình bày các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của danh uẩn các tốc hành quả khác với quả liền sau đạo, tức tốc hành quả trong quả định.

Các nhóm duyên trợ tốc hành quả khác với quả liền sau đạo

Miến / Burmese 113

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành quả khác với 20 loại tốc hành quả liền sau đạo —

1. Nhóm câu sinh — 14.

2. Nhóm cảnh — 3.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

6. Thường cận y — 1.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 30 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành quả khác với 20 loại tốc hành quả liền sau đạo.

1. (a) 20 loại tốc hành quả khác với 20 loại tốc hành quả liền sau đạo cùng 36 tâm sở trừ các tâm sở vô lượng là những pháp trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

(b) Ba nhân vô tham, vô sân và vô si thuộc danh uẩn của 20 loại tốc hành quả khác với 20 loại tốc hành quả liền sau đạo trợ các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

(c) Một trong bốn pháp dục, tinh tấn, tâm và thẩm sát trợ bằng trưởng duyên.

(d) Tư trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

Chi thiền, chi đạo, cảnh và vô gián của quả định

(e) Xúc, tư và thức, ba danh thực, trợ bằng thực duyên.

(f) Tám danh quyền gồm mạng, tâm, thọ, tín, tấn, niệm, nhất tâm và tuệ trợ bằng quyền duyên.

(g) Đối với tốc hành quả khác với quả liền sau đạo, khi là quả sơ thiền có năm chi thiền, quả nhị thiền có bốn, quả tam thiền có ba, quả tứ thiền có hai và quả ngũ thiền có hai. Các chi ấy trợ bằng thiền duyên.

(h) Nếu tốc hành ấy là quả sơ thiền, có tám chi đạo. Nếu là quả nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hoặc ngũ thiền, bảy chi đạo, trừ tầm, làm pháp trợ bằng đạo duyên (7). Tổng cộng 7 + 7 = 14.

2. Cảnh Niết-bàn làm pháp trợ bằng cảnh duyên, cảnh trưởng duyên và cảnh cận y duyên (3).

3. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 12 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ đầu tiên (trong lộ trình quả định). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

[Ở đây chỉ tốc hành quả đầu tiên trong lộ trình quả định.]

Vô gián của các tốc hành quả bậc thấp và quả A-la-hán

Miến / Burmese 115

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 12 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo và lộ trình quả định). Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (12 loại), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 3 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả đầu tiên (trong lộ trình quả định). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 3 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo và lộ trình quả định). Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (3 loại), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(e) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 4 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ đầu tiên (trong lộ trình quả định A-la-hán)…

Vô gián của tốc hành quả A-la-hán

Miến / Burmese 116

… Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(Ở đây chỉ tốc hành quả A-la-hán đầu tiên trong lộ trình quả định.)

(f) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 4 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo A-la-hán và lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (4 loại), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(g) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả đầu tiên (1 loại) (trong lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(h) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 1 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo A-la-hán và lộ trình quả định A-la-hán)…

Duyên khi xuất diệt định và duyên thuộc vật

Miến / Burmese 117

… Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (1 loại), vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(i) Khi vị Bất lai xuất diệt định, pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Bất lai. Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ cuối cùng, đã diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

(j) Khi vị A-la-hán xuất diệt định, pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả A-la-hán. Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ cuối cùng, đã diệt ngay trước đó. Các danh uẩn ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 12 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ đầu tiên (trong lộ trình quả định). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 12 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo và lộ trình quả định)…

Duyên thuộc vật của quả bậc thấp và quả A-la-hán

Miến / Burmese 118

… Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành quả bậc thấp câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (12 loại). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 3 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả đầu tiên (trong lộ trình quả định). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại thiện câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 3 loại tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo và lộ trình quả định). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành quả bậc thấp câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (3 loại). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(e) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 4 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ đầu tiên (trong lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu hỷ, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Duyên thuộc vật của quả A-la-hán và khi xuất diệt định

(f) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 4 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo A-la-hán và lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu hỷ cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (4 loại). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(g) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả đầu tiên (1 loại) (trong lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tâm đại duy tác câu hữu xả, tương ưng trí, vô trợ hoặc hữu trợ, làm phận sự thuận thứ (anuloma). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(h) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 1 loại tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả từ tốc hành thứ hai trở đi (trong lộ trình đạo A-la-hán và lộ trình quả định A-la-hán). Pháp trợ là ý vật sinh cùng sát-na sinh của các danh uẩn của tốc hành quả A-la-hán câu hữu xả cùng loại liền trước, kể từ tốc hành đầu tiên (1 loại). Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

(i) Khi xuất diệt định, bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Bất lai và của năm loại tốc hành quả A-la-hán là các pháp được trợ…

Nghiệp dị thời và thường cận y của tốc hành quả

Miến / Burmese 120

… Pháp trợ là ý vật tương ứng đã sinh trước tâm ấy đúng một sát-na tâm. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Pháp được trợ là bốn danh uẩn của 20 loại tốc hành quả khác với 20 loại tốc hành quả liền sau đạo. Pháp trợ là 20 loại nghiệp thiện Thánh đạo quá khứ có sức mạnh. Chúng trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

6. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Nhập lưu. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Nhất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả Bất lai. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Thường cận y của quả A-la-hán và hành trình luân hồi

Miến / Burmese 121

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tốc hành quả A-la-hán. Pháp trợ là những pháp có sức mạnh, gồm 81 tâm hiệp thế, đạo Nhập lưu, quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, đạo A-la-hán, quả A-la-hán, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, một số chế định có thể làm duyên. Các pháp ấy trợ bằng thường cận y duyên (1).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 30 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

[Ghi chú — Trong nhóm nghiệp dị thời, các nghiệp thiện Thánh đạo được trình bày chung. Khi quán thực tế, chỉ quán sự sinh khởi của Thánh quả tương ứng do Thánh đạo tương ứng làm duyên.]

Suốt hành trình luân hồi

Đến đây đã trình bày các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna bằng cách phân thành năm uẩn, tại từng thời điểm của các sát-na tâm thuộc những loại có thể và thích hợp sinh khởi suốt một đời người tu tập có ba nhân, từ tái tục đến tử. Người thiện đang học hãy lấy đó làm mẫu, phân thành năm uẩn và quán theo cách trên trong các sát-na tâm mà mình có thể quán.

Suốt đời hiện tại, gọi là hiện tại theo thời kỳ (addhāpaccuppanna), từ tái tục cho đến tử, trong từng sát-na thuộc các loại tâm đã sinh, đang sinh và sẽ sinh nơi dòng tương tục danh sắc của người thiện đang học…

Quán các đời và sự sinh khởi của tái tục vô nhân

Miến / Burmese 122

… sau khi quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna bằng phương pháp năm uẩn, có thể chuyển sang quán các đời quá khứ và các đời vị lai.

Khi quán như vậy, không thể quán hết từng sát-na tâm cùng từng nhóm năm uẩn hiện hữu trong một đời. Hãy ghi nhớ rằng cần quán cho đủ các loại, trong khả năng của mình.

Khi lưu chuyển suốt luân hồi, lúc chìm lúc nổi, có khi nghiệp bất thiện được cơ hội cho quả, nên rơi vào đọa xứ. Có khi nghiệp thiện được cơ hội cho quả, nên sinh lên những cõi cao hơn, như cõi người, cõi trời hay cõi phạm thiên, với dung sắc tốt đẹp. Trong các đời ấy cũng có thể quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna như trong đời hiện tại. Khi ấy, hãy lấy phương pháp đã nêu trên làm mẫu để quán năm uẩn ở các sát-na thuộc lộ trình tâm. Sau đây chỉ trình bày tiếp các tâm ngoài lộ trình.

Sự sinh khởi của tái tục vô nhân

[Ghi chú — Hãy lấy phương pháp đã nêu làm mẫu để quán sắc uẩn.]

1. Tâm quan sát câu hữu xả, quả bất thiện vô nhân.
2. Tâm quan sát câu hữu xả, quả thiện vô nhân.
Có hai loại tái tục vô nhân như vậy.

1. Tâm quan sát câu hữu xả, quả bất thiện vô nhân, chính là tâm tái tục của chúng sinh ở các đọa xứ.

Các trường hợp tái tục bằng quả thiện vô nhân

Miến / Burmese 123

2. Tâm quan sát câu hữu xả, quả thiện vô nhân, là tâm tái tục của những trường hợp sau —

(a) Jaccandha — người mù từ lúc tái tục, tức mù bẩm sinh.

(b) Jaccabadhira — người điếc từ lúc tái tục, tức điếc bẩm sinh.

(c) Jaccaghānaka — người không có tịnh sắc mũi từ lúc tái tục.

(d) Jaccamūga — người câm từ lúc tái tục, không thể nói.

(e) Jaccajaḷa — người chậm trí từ lúc tái tục, chẳng biết phân biệt đến cả các hướng đông, tây, nam, bắc.

(f) Jaccummattaka — người loạn trí từ lúc tái tục.

(g) Paṇḍaka — người được gọi là paṇḍaka.

(h) Ubhatobyañjanaka — người có hai dấu hiệu giới tính, hoặc có dấu hiệu nam lúc này và nữ lúc khác.

(i) Napuṃsaka — người không có biểu hiện rõ về dấu hiệu nữ hay nam.

(j) Người nói lắp — người có lời nói đứt quãng, phải kéo dài âm khi nói. Đó là những người có khiếm khuyết như vậy, và còn có —

(k) Vinipātikāsura — các vị trời nhỏ, thấp kém, phải sống nương tựa các vị trời lớn địa cư, không có chỗ ở tốt đẹp của riêng mình và sống lang bạt, sa sút. Đó là tâm tái tục của các vị trời ấy.

Tâm ấy làm phận sự tái tục lúc đầu đời, phận sự hữu phần trong quãng giữa và phận sự tử lúc cuối đời. Sau đây trình bày trước về tái tục.

Các nhóm duyên và danh câu sinh ở tái tục vô nhân

Miến / Burmese 124

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của hai loại tái tục vô nhân —

1. Nhóm danh câu sinh — 11.

2. Nhóm sắc câu sinh — 6.

3. Nhóm cảnh — 1.

4. Nhóm vô gián — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 25 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi hai loại tâm tái tục vô nhân và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn.

1. (a) Hai loại tâm tái tục vô nhân và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn, trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn của hai loại tái tục vô nhân, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(c) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng thực duyên.

(d) Mạng, tâm và thọ, ba danh quyền, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(e) Bốn chi thiền, trừ hỷ, làm pháp trợ bằng thiền duyên (4). Tổng cộng 7 + 4 = 11.

2. Ý vật sinh cùng các danh uẩn tái tục vô nhân tương ứng…

Sắc câu sinh, cảnh, vô gián và nghiệp dị thời ở tái tục vô nhân

Miến / Burmese 125

… làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

3. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

4. Các danh uẩn của một trong mười tâm tử dục giới của đời vừa qua làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

5. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi tâm tái tục vô nhân ở khổ thú (1) và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là một trong 11 loại nghiệp bất thiện quá khứ, trừ tư câu hữu trạo cử. Nghiệp ấy trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi tâm tái tục vô nhân ở thiện thú (1) và mười tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là một trong bốn loại nghiệp thiện dục giới nhị nhân bậc thấp thuộc quá khứ. Nghiệp ấy trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 25 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

[Ghi chú — Hãy lấy phương pháp đã nêu làm mẫu để quán sắc uẩn. Tiếp theo sẽ trình bày danh uẩn hữu phần vô nhân.]

Sự sinh khởi của hữu phần vô nhân

Miến / Burmese 126

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 2 loại tâm hữu phần vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn —

1. Nhóm danh câu sinh — 11.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 24 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 2 loại tâm hữu phần vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn —

1. (a) 2 loại tâm hữu phần vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn hữu phần vô nhân, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(c) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng thực duyên.

(d) Mạng, tâm và thọ, ba danh quyền, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

Cảnh, vô gián và sắc vật trợ hữu phần vô nhân

(e) Bốn chi thiền, trừ hỷ, làm pháp trợ bằng thiền duyên (4). Tổng cộng 7 + 4 = 11.

2. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn của tâm tái tục vô nhân vừa diệt ngay trước đó.

(b) Các danh uẩn của tâm hữu phần vô nhân trước đó vừa diệt ngay trước đó.

(c) Các danh uẩn của tâm xác định (voṭṭhapana) vừa diệt ngay trước đó.

(d) Các danh uẩn của tâm tốc hành cuối vừa diệt ngay trước đó.

(e) Các danh uẩn của tâm đăng ký vừa diệt ngay trước đó làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. (a) Ý vật sinh cùng tâm tái tục vô nhân.

(b) Ý vật sinh cùng tâm hữu phần vô nhân trước đó.

(c) Ý vật sinh cùng tâm xác định (voṭṭhapana).

(d) Ý vật sinh cùng tâm tốc hành cuối.

Sắc vật và nghiệp dị thời trợ hữu phần vô nhân

(e) Ý vật sinh cùng tâm đăng ký thứ hai.

(f) Ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, trong trường hợp cận tử làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi một loại tâm hữu phần vô nhân ở khổ thú và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là một trong 11 loại nghiệp bất thiện quá khứ, trừ tư câu hữu trạo cử. Nghiệp ấy trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi một loại tâm hữu phần vô nhân ở thiện thú và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là một trong bốn loại nghiệp thiện dục giới nhị nhân bậc thấp thuộc quá khứ. Nghiệp ấy trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 24 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của tử vô nhân

Miến / Burmese 129

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 2 loại tâm tử vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn —

1. Nhóm câu sinh — 11.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 24 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 2 loại tâm tử vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn —

1. (a) 2 loại tâm tử vô nhân và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tử vô nhân, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(c) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng thực duyên.

(d) Mạng, tâm và thọ, ba danh quyền, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

Cảnh, vô gián, sắc vật và nghiệp trợ tử vô nhân

Miến / Burmese 130

(e) Bốn chi thiền, trừ hỷ, làm pháp trợ bằng thiền duyên (4). Tổng cộng 7 + 4 = 11.

2. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn của tốc hành thứ năm trong lộ cận tử vừa diệt ngay trước đó.

(b) Các danh uẩn của tâm đăng ký thứ hai vừa diệt ngay trước đó.

(c) Các danh uẩn của tâm hữu phần vừa diệt ngay trước đó làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Pháp trợ là ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử đang xét. Ý vật ấy trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi một loại tâm tử vô nhân ở khổ thú và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là một trong 11 loại nghiệp bất thiện quá khứ, trừ tư câu hữu trạo cử. Nghiệp ấy trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi một loại tâm tử vô nhân ở thiện thú và 10 tâm sở tợ tha, trừ dục, hỷ và tinh tấn. Pháp trợ là nghiệp quá khứ nhị nhân bậc thấp…

Sự sinh khởi của tái tục nhị nhân dục giới

Miến / Burmese 131

… thuộc một trong bốn loại nghiệp thiện dục giới ấy. Nghiệp ấy làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 24 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Nếu người thiện đang học đã từng là chúng sinh nhị nhân trong hành trình luân hồi quá khứ, hãy quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của các danh uẩn tái tục, hữu phần và tử nhị nhân ấy theo cách trình bày dưới đây.

Sự sinh khởi của tái tục nhị nhân dục giới

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm tái tục nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm sắc câu sinh — 6.

3. Nhóm cảnh — 1.

4. Nhóm vô gián — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 27 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm tái tục nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

Danh câu sinh, sắc câu sinh và cảnh ở tái tục nhị nhân

Miến / Burmese 132

1. (a) 4 loại tâm tái tục nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tái tục nhị nhân dục giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham và vô sân, 2 nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Bảy danh quyền, trừ tuệ, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Khi tái tục nhị nhân dục giới câu hữu hỷ sinh, năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Khi tái tục nhị nhân dục giới câu hữu xả sinh, bốn chi thiền là tầm, tứ, xả và nhất tâm. Các chi ấy làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Bốn chi đạo, trừ các tâm sở ly và tuệ, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. Ý vật sinh cùng các danh uẩn của tâm tái tục nhị nhân tương ứng trong bốn loại làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

3. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Tái tục và hữu phần nhị nhân

Miến / Burmese 133

4. Một nhóm danh uẩn thích hợp trong các danh uẩn của năm tâm tử sắc giới hoặc mười tâm tử dục giới đã diệt làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

5. Một trong tám loại nghiệp thiện dục giới quá khứ thuộc loại tam nhân bậc thấp hoặc nhị nhân thù thắng làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 27 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của danh uẩn hữu phần nhị nhân

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm hữu phần nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm hữu phần nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

Danh câu sinh, cảnh và vô gián của hữu phần nhị nhân

Miến / Burmese 134

1. (a) 4 loại tâm hữu phần nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn hữu phần nhị nhân dục giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham và vô sân, 2 nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Bảy danh quyền, trừ tuệ, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Khi hữu phần nhị nhân dục giới câu hữu hỷ sinh, năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Khi hữu phần nhị nhân dục giới câu hữu xả sinh, bốn chi thiền là tầm, tứ, xả và nhất tâm. Các chi ấy làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm, tức bốn chi đạo, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm hữu phần nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn của tâm tái tục nhị nhân vừa diệt ngay trước đó.

Vô gián và sắc vật trợ hữu phần nhị nhân

(b) Các danh uẩn của tâm hữu phần nhị nhân trước đó vừa diệt ngay trước đó.

(c) Các danh uẩn của tâm xác định (voṭṭhapana) vừa diệt ngay trước đó.

(d) Các danh uẩn của tâm tốc hành cuối vừa diệt ngay trước đó.

(e) Các danh uẩn của tâm đăng ký thứ hai vừa diệt ngay trước đó làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. (a) Ý vật sinh cùng tâm tái tục nhị nhân.

(b) Ý vật sinh cùng tâm hữu phần nhị nhân trước đó.

(c) Ý vật sinh cùng tâm xác định (voṭṭhapana).

(d) Ý vật sinh cùng tâm tốc hành cuối.

(e) Ý vật sinh cùng tâm đăng ký thứ hai.

(f) Ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử, trong trường hợp cận tử làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

Nghiệp trợ hữu phần và sự sinh khởi của tử nhị nhân

Miến / Burmese 136

5. nghiệp thiện dục giới quá khứ thuộc loại tam nhân bậc thấp hoặc nhị nhân thù thắng làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của danh uẩn tử nhị nhân

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm tử nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

1. Nhóm câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm tử nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ —

1. (a) 4 loại tâm tử nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tử nhị nhân dục giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

Các duyên trợ tử nhị nhân

Miến / Burmese 137

(b) Vô tham và vô sân, 2 nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Bảy danh quyền, trừ tuệ, làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Khi tử nhị nhân dục giới câu hữu hỷ sinh, có năm chi thiền. Khi tử nhị nhân dục giới câu hữu xả sinh, có bốn chi thiền, trừ hỷ. Các chi ấy làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Bốn chi đạo, trừ các tâm sở ly và tuệ, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 4 loại tâm tử nhị nhân dục giới và 32 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng và tuệ. Một trong ba cảnh nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn của tốc hành thứ năm trong lộ cận tử vừa diệt ngay trước đó.

(b) Các danh uẩn của tâm đăng ký thứ hai vừa diệt ngay trước đó.

(c) Các danh uẩn của tâm hữu phần trước đó vừa diệt ngay trước đó làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Pháp trợ là ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử đang xét…

Tử nhị nhân và các duyên trợ tái tục sắc giới

Miến / Burmese 138

… Ý vật ấy làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. nghiệp thiện dục giới quá khứ thuộc loại tam nhân bậc thấp hoặc nhị nhân thù thắng làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Nếu người thiện đang học từng lưu chuyển qua một số cõi sắc giới trong hành trình luân hồi quá khứ, hãy quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của danh uẩn tái tục, hữu phần và tử sắc giới như trình bày dưới đây. Ở đây tái tục, hữu phần và tử sắc giới được trình bày chung. Khi quán thực tế, hãy phân biệt từng trường hợp tái tục, hữu phần và tử tương ứng mà quán.

Sự sinh khởi của danh uẩn tái tục sắc giới

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 5 loại tâm tái tục sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly [hoặc 34/33/32/31] —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm sắc câu sinh — 6.

3. Nhóm cảnh — 1.

4. Nhóm vô gián — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 27 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Danh câu sinh và các chi thiền ở tái tục sắc giới

Miến / Burmese 139

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi 5 loại tâm tái tục sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly —

1. (a) 5 loại tâm tái tục sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly [hoặc 34/33/32/31] trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tái tục sắc giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, 3 nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Các pháp sau trợ bằng thiền duyên:
• Tái tục sơ thiền — tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (5).
• Tái tục nhị thiền — tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (4).
• Tái tục tam thiền — hỷ, lạc và nhất tâm (3).
• Tái tục tứ thiền — lạc và nhất tâm (2).
• Tái tục ngũ thiền — xả và nhất tâm (2).

(g) Khi tái tục sơ thiền sinh, có năm chi đạo gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Khi tái tục nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hoặc ngũ thiền sinh…

Chi đạo, sắc câu sinh và cảnh của tái tục sắc giới

Miến / Burmese 140

… bốn chi đạo gồm chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. Ý vật sinh cùng các danh uẩn của tâm tái tục sắc giới tương ứng trong năm loại làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (6).

3. Khi tái tục sơ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Mười chế định bất tịnh.

(c) Chế định về các phần thân thể, bắt đầu từ tóc, làm cảnh cho thân hành niệm.

(d) Hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

(e) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của từ.

(f) Chế định về tất cả chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi.

(g) Chế định về tất cả chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ.

Một trong 25 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Khi tái tục nhị thiền, tam thiền hoặc tứ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

Cảnh và các duyên trợ tái tục sắc giới

(c) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của từ.

(d) Chế định về tất cả chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi.

(e) Chế định về tất cả chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ.

Một trong 14 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Khi tái tục ngũ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Chế định hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

(c) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của xả, tức phạm trú xả.

Một trong 12 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Chế định nghiệp tướng thích hợp trong các chế định nghiệp tướng ấy làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

4. Các danh uẩn của một tâm tử thích hợp trong chín tâm tử tam nhân của đời trước, vừa diệt, làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

5. Một loại nghiệp thích hợp trong năm loại nghiệp thiện sắc giới quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 27 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của hữu phần sắc giới

Miến / Burmese 142

Pháp được trợ là bốn danh uẩn của năm loại tâm hữu phần sắc giới —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi năm loại tâm hữu phần sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly —

1. (a) Năm loại tâm hữu phần sắc giới và 35 tâm sở trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn hữu phần sắc giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, ba nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

Các chi thiền, chi đạo và cảnh của hữu phần sắc giới

(f) Khi hữu phần sơ thiền sinh, năm chi thiền làm pháp trợ; khi hữu phần nhị thiền sinh, bốn chi thiền làm pháp trợ; khi hữu phần tam thiền sinh, ba chi thiền làm pháp trợ; khi hữu phần tứ thiền sinh, lạc và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ; khi hữu phần ngũ thiền sinh, xả và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ. Các chi thiền ấy trợ bằng thiền duyên.

(g) Khi hữu phần sơ thiền sinh, năm chi đạo gồm tuệ, tầm, tinh tấn, niệm và nhất tâm làm pháp trợ bằng đạo duyên. Khi hữu phần nhị, tam, tứ hoặc ngũ thiền sinh, bốn chi đạo gồm tuệ, tinh tấn, niệm và nhất tâm làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. Khi hữu phần sơ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Mười chế định bất tịnh.

(c) Chế định về các phần thân thể làm cảnh cho thân hành niệm.

(d) Chế định hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

(e) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của từ.

(f) Chế định về tất cả chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi.

(g) Chế định về tất cả chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ.

Một trong 25 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Các cảnh và duyên vô gián của hữu phần sắc giới

Miến / Burmese 144

Khi hữu phần nhị thiền, tam thiền hoặc tứ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Chế định hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

(c) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của từ.

(d) Chế định về tất cả chúng sinh đau khổ làm cảnh của bi.

(e) Chế định về tất cả chúng sinh an vui làm cảnh của hỷ.

Một trong 14 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Khi hữu phần ngũ thiền sinh —

(a) Mười chế định kasiṇa.

(b) Chế định hơi thở vào và ra làm cảnh cho niệm hơi thở, tức chế định tợ tướng hơi thở.

(c) Chế định về tất cả chúng sinh an vui và đau khổ làm cảnh của xả, tức phạm trú xả.

Một trong 12 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Chế định nghiệp tướng thích hợp trong các chế định nghiệp tướng ấy làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn tái tục sắc giới vừa diệt ngay trước đó.

(b) Các danh uẩn hữu phần sắc giới vừa diệt ngay trước đó…

Vô gián, sắc vật và nghiệp trợ hữu phần sắc giới

Miến / Burmese 145

… các danh uẩn ấy.

(c) Các danh uẩn tâm xác định vừa diệt ngay trước đó.

(d) Các danh uẩn tốc hành cuối vừa diệt ngay trước đó. Các danh uẩn thích hợp ấy làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. (a) Ý vật sinh cùng các danh uẩn tái tục sắc giới vừa diệt trước hữu phần.

(b) Ý vật sinh cùng tâm hữu phần sắc giới trước đó, vừa diệt trước hữu phần.

(c) Ý vật sinh cùng các danh uẩn tâm xác định vừa diệt trước hữu phần.

(d) Ý vật sinh cùng các danh uẩn tốc hành cuối vừa diệt trước hữu phần.

(e) Ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử trong trường hợp cận tử.

Ý vật thích hợp ấy làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Một loại nghiệp thích hợp trong năm loại nghiệp thiện sắc giới quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của tử sắc giới

Miến / Burmese 146

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi năm loại tâm tử sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm sắc vật — 5.

5. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi năm loại tâm tử sắc giới và 35 tâm sở, trừ các tâm sở ly —

1. (a) Năm loại tâm tử sắc giới và 35 tâm sở trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tử sắc giới, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, ba nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

Chi thiền, chi đạo, cảnh và vô gián của tử sắc giới

(f) Khi tử sơ thiền sinh, năm chi thiền làm pháp trợ; khi tử nhị thiền sinh, bốn chi thiền làm pháp trợ; khi tử tam thiền sinh, ba chi thiền làm pháp trợ; khi tử tứ thiền sinh, lạc và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ; khi tử ngũ thiền sinh, xả và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ. Các chi thiền ấy trợ bằng thiền duyên.

(g) Khi tử sơ thiền sinh, năm chi đạo, trừ các tâm sở ly, làm pháp trợ bằng đạo duyên. Khi tử nhị, tam, tứ hoặc ngũ thiền sinh, bốn chi đạo, trừ các tâm sở ly và tầm, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. (a) Khi tử sơ thiền sinh — mười chế định kasiṇa. pe. Một trong 25 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

(b) Khi tử nhị thiền, tam thiền hoặc tứ thiền sinh — mười chế định kasiṇa. pe. Một trong 14 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

(c) Khi tử ngũ thiền sinh — mười chế định kasiṇa. pe. Một trong 12 chế định nghiệp tướng ấy là chế định nghiệp tướng được lấy làm cảnh.

Chế định nghiệp tướng thích hợp trong các chế định nghiệp tướng ấy làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Các danh uẩn của tốc hành thứ năm trong lộ cận tử, vừa diệt ngay trước đó.

(b) Các danh uẩn hữu phần sắc giới trước đó, vừa diệt ngay trước…

Các duyên trợ tử sắc giới và tái tục vô sắc giới

Miến / Burmese 148

… Các danh uẩn thích hợp ấy làm pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Ý vật sinh cùng tâm thứ 17 tính ngược từ tâm tử sắc giới đang xét làm pháp trợ bằng y chỉ, tiền sinh, bất tương ưng, hiện hữu và bất ly (5).

5. Năm loại nghiệp thiện sắc giới quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 26 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của tái tục vô sắc giới

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm tái tục vô sắc giới và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm tái tục vô sắc giới và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ…

Danh câu sinh và cảnh của tái tục vô sắc

Miến / Burmese 149

… cùng 30 tâm sở, là các thành phần danh uẩn được trợ như sau —

1. (a) Bốn loại tâm tái tục vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ, trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn của bốn loại tâm tái tục vô sắc, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, ba nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức, ba danh vật thực, làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Xả và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Tuệ, tinh tấn, niệm và nhất tâm, bốn chi đạo, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. (a) Khi tái tục không vô biên xứ sinh — Chế định hư không, tức chế định khoảng không có được khi loại bỏ một trong chín kasiṇa, trừ kasiṇa hư không, là nghiệp tướng làm pháp trợ.

(b) Khi tái tục thức vô biên xứ sinh — Dấu hiệu của nghiệp thiện không vô biên xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ.

(c) Khi tái tục vô sở hữu xứ sinh — Chế định về sự vắng mặt (natthibhāvapaññatti), tức sự không có tâm thiền không vô biên xứ, là nghiệp tướng làm pháp trợ.

Cảnh, vô gián và nghiệp trợ tái tục vô sắc

(d) Khi tái tục phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh — Dấu hiệu của nghiệp thiện vô sở hữu xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ.

Các pháp trợ thích hợp ấy trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Khi tái tục không vô biên xứ sinh, các danh uẩn của tử dục giới hoặc tử không vô biên xứ trong chín loại tâm tử thuộc đời trước đã diệt làm pháp trợ.

(b) Khi tái tục thức vô biên xứ sinh, các danh uẩn của tử dục giới, tử không vô biên xứ hoặc tử thức vô biên xứ trong mười loại tâm tử thuộc đời trước đã diệt làm pháp trợ.

(c) Khi tái tục vô sở hữu xứ sinh, các danh uẩn của tử dục giới, tử không vô biên xứ, tử thức vô biên xứ hoặc tử vô sở hữu xứ trong 11 loại tâm tử thuộc đời trước đã diệt làm pháp trợ.

(d) Khi tái tục phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh, các danh uẩn của một trong 13 loại tâm tử thuộc đời trước đã diệt làm pháp trợ.

Trong mỗi trường hợp, các danh uẩn tử tương ứng trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Một loại nghiệp thiện thích hợp trong bốn loại nghiệp thiện vô sắc quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của hữu phần vô sắc

Miến / Burmese 151

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ —

1. (a) Bốn loại tâm hữu phần vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ, trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn hữu phần vô sắc, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, ba nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức, ba danh vật thực, làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

Chi thiền, chi đạo và cảnh của hữu phần vô sắc

(f) Xả và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Tuệ, tinh tấn, niệm và nhất tâm, bốn chi đạo, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. (a) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần không vô biên xứ và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ. Chế định hư không, tức chế định khoảng không có được khi loại bỏ một trong chín kasiṇa, trừ kasiṇa hư không, là nghiệp tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(b) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần thức vô biên xứ và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ. Dấu hiệu của nghiệp thiện không vô biên xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(c) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần vô sở hữu xứ và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ. Chế định về sự vắng mặt (natthibhāvapaññatti), tức sự không có tâm thiền không vô biên xứ, là nghiệp tướng làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

(d) Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm hữu phần phi tưởng phi phi tưởng xứ và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ. Dấu hiệu của nghiệp thiện vô sở hữu xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ bằng cảnh duyên (1).

Vô gián của hữu phần vô sắc và sự sinh khởi của tử vô sắc

Miến / Burmese 153

3. (a) Pháp trợ là các danh uẩn tái tục vô sắc tương ứng, đã diệt ngay trước đó.

(b) Pháp trợ là các danh uẩn hữu phần vô sắc ngay trước đó, đã diệt ngay trước đó.

(c) Pháp trợ là các danh uẩn tốc hành cuối, đã diệt ngay trước đó.

Các danh uẩn thích hợp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Một loại nghiệp thiện thích hợp trong bốn loại nghiệp thiện vô sắc quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Sự sinh khởi của tử vô sắc

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm tử vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ —

1. Nhóm danh câu sinh — 13.

2. Nhóm cảnh — 1.

3. Nhóm vô gián — 5.

4. Nhóm nghiệp dị thời — 2.

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Danh câu sinh và cảnh của tử vô sắc

Miến / Burmese 154

Pháp được trợ là bốn danh uẩn cấu thành bởi bốn loại tâm tử vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ —

1. (a) Bốn loại tâm tử vô sắc và 30 tâm sở, trừ các tâm sở ly, vô lượng, tầm, tứ và hỷ, trợ nhau. Các thành phần danh uẩn ấy làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, quả, tương ưng, hiện hữu và bất ly (7).

Trong các danh uẩn tử vô sắc, các pháp sau trợ các uẩn tương ưng —

(b) Vô tham, vô sân và vô si, ba nhân, làm pháp trợ bằng nhân duyên.

(c) Tư làm pháp trợ bằng nghiệp câu sinh duyên.

(d) Xúc, tư và thức, ba danh vật thực, làm pháp trợ bằng vật thực duyên.

(e) Tám danh quyền làm pháp trợ bằng quyền duyên.

(f) Xả và nhất tâm, hai chi thiền, làm pháp trợ bằng thiền duyên.

(g) Tuệ, tinh tấn, niệm và nhất tâm, bốn chi đạo, làm pháp trợ bằng đạo duyên (6). Tổng cộng 7 + 6 = 13.

2. (a) Khi tử không vô biên xứ sinh — Chế định hư không, tức chế định khoảng không có được khi loại bỏ một trong chín kasiṇa, trừ kasiṇa hư không, là nghiệp tướng làm pháp trợ.

(b) Khi tử thức vô biên xứ sinh — Dấu hiệu của nghiệp thiện không vô biên xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ.

(c) Khi tử vô sở hữu xứ sinh — chế định về sự vắng mặt của tâm thiền không vô biên xứ…

Cảnh, vô gián và nghiệp trợ tử vô sắc

Miến / Burmese 155

… là nghiệp tướng làm pháp trợ.

(d) Khi tử phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh — Dấu hiệu của nghiệp thiện vô sở hữu xứ quá khứ, tức dấu hiệu của nghiệp thiện đáo đại ấy, làm pháp trợ.

Các pháp trợ thích hợp ấy trợ bằng cảnh duyên (1).

3. (a) Pháp trợ là các danh uẩn của tốc hành thứ năm trong lộ cận tử, đã diệt ngay trước đó.

(b) Pháp trợ là các danh uẩn hữu phần vô sắc ngay trước đó, đã diệt ngay trước đó.

Các danh uẩn thích hợp ấy trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu và ly khứ (5).

4. Các tư tương ứng trong bốn loại nghiệp thiện vô sắc quá khứ trợ theo sức thích hợp bằng nghiệp dị thời và thường cận y (2).

Các pháp ấy sinh khởi và tồn tại vì 21 duyên này đồng thời trợ giúp, mỗi duyên theo sức thích hợp của nó.

Nếu người thiện đang học đã từng đến một cõi vô sắc trong hành trình luân hồi quá khứ, hãy quán tái tục, hữu phần và tử vô sắc tương ứng như đã trình bày. Đối với các đời vị lai, hãy quán theo cùng phương pháp, chừng nào sự sinh khởi ấy còn tiếp diễn. Nếu người thiện đang học đã từng đến cõi chúng sinh vô tưởng, hãy quán các mối quan hệ duyên theo Paṭṭhāna của sắc do nghiệp sinh nơi chúng sinh vô tưởng như dưới đây.

Sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng

Miến / Burmese 156

Pháp được trợ là sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng —

1. Nhóm sắc câu sinh — 5.

2. Nhóm nghiệp dị thời — 1.

3. Nhóm sắc mạng quyền — 3.

Các sắc này sinh khởi và tồn tại vì chín duyên ấy đồng thời trợ giúp.

Đối với sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng —

1. Các sắc đại chủng trong cùng nhóm làm pháp trợ bằng câu sinh, hỗ tương, y chỉ, hiện hữu và bất ly (5).

2. Nghiệp thiện sắc giới ngũ thiền thuộc quá khứ làm pháp trợ bằng nghiệp dị thời duyên (1).

3. Sắc mạng quyền trong cùng nhóm làm pháp trợ bằng sắc mạng quyền, sắc mạng quyền hiện hữu và sắc mạng quyền bất ly (3).

Các sắc này sinh khởi và tồn tại vì chín duyên ấy đồng thời trợ giúp.

Thiền sư Pa-Auk Tawya Sayadaw
Chùa Cittala Taung
Pa-Auk Tawya
Năm 1367 lịch Myanmar

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

[ဘ]

Năm uẩn tốc hành bất thiện — 57

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tốc hành bất thiện trong lộ ngũ môn — 57

Ghi nhớ tóm lược, phân nhóm duyên của 54 tâm dục giới trong lộ ngũ môn — 36

Sự trợ giúp qua lại lẫn nhau — 28

Các pháp trợ bằng hỗ tương duyên — 3

Điều đặc biệt cần ghi nhớ — 112

Hiện tại theo thời kỳ (addhāpaccuppanna) — 121

Nhóm vô gián — 68

Các pháp trợ thuộc nhóm vô gián — 11

Bảy duyên thuộc nhóm vô gián — 7

Các pháp trợ bằng vô gián, đẳng vô gián, vô hữu và ly khứ — 9

Chuỗi tâm quả Bất lai — 111

Tốc hành an chỉ, lộ ý môn, tốc hành dục giới và tốc hành an chỉ — 91

Tái tục của chúng sinh ở các đọa xứ — 122

Vật thực ăn vào — 20

Chuỗi tâm quả A-la-hán — 111

Danh uẩn tốc hành Thánh đạo — 104

Sự sinh khởi của tử vô sắc — 153

Sự sinh khởi của tái tục vô sắc — 148

Sự sinh khởi của hữu phần vô sắc — 151

Các pháp trợ bằng bất ly duyên — 2

Sắc do nghiệp sinh của chúng sinh vô tưởng — 156

Để đạt trí tỉnh giác không mê mờ (asammohasampajañña) — 1

Sự sinh khởi của tử vô nhân — 129

Danh uẩn của ba tâm đăng ký vô nhân — 76

Hai loại tái tục vô nhân — 122

Sự sinh khởi của tái tục vô nhân — 122

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tâm đăng ký vô nhân thứ nhất và sắc do tâm ấy sinh — 64

Sự sinh khởi của hữu phần vô nhân — 126

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

[အ]

Lộ tốc hành thiện đáo đại khi mới chứng đắc — 92

Các pháp trợ bằng cảnh tiền sinh bất ly duyên — 7

Nhóm cảnh — 67, 73

Các pháp trợ thuộc nhóm cảnh — 10

Tám hoặc mười một duyên thuộc nhóm cảnh — 6

Các pháp trợ bằng cảnh cận y duyên — 6

Các pháp trợ bằng trùng dụng duyên — 7

Các pháp trợ bằng vật thực duyên — 5

[ဣ]

Các pháp trợ bằng quyền duyên — 5

[ဥ]

Sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh — 39

Các pháp trợ bằng cận y duyên — 9

[ဏ]

Các pháp trợ bằng nghiệp duyên — 5, 7

Sự sinh khởi và tồn tại của tâm tốc hành dục giới tại ý môn — 66

Bốn loại nghiệp thiện dục giới tam nhân — 15

Sự sinh khởi của bốn danh uẩn tử dục giới tam nhân — 29

Sự sinh khởi của sắc do nghiệp sinh lúc tái tục dục giới tam nhân — 13

Sự sinh khởi của bốn danh uẩn tái tục dục giới tam nhân — 18

Bốn loại tái tục dục giới tam nhân — 15

Sự sinh khởi và tồn tại của bốn danh uẩn hữu phần dục giới tam nhân — 25

Sự sinh khởi của tái tục dục giới nhị nhân — 131

Ngôi nhà năm uẩn của thai nhi — 20

Điều cần ghi nhớ trước — 12

[ဝ]

Năm uẩn nhãn thức, sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật — 38

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn nhãn thức — 39

Năm uẩn tử, tử dục giới tam nhân — 28

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

[ဆ]

Ý nghĩa tóm lược — 10

[ဗျ]

Các pháp trợ bằng thiền duyên — 5

[တ]

Năm uẩn đăng ký — 59

[ဒ]

Sự sinh khởi của danh uẩn tử nhị nhân — 136

Sự sinh khởi của danh uẩn hữu phần nhị nhân — 133

[နှ]

Các pháp trợ bằng nghiệp dị thời — 9

Các pháp trợ thuộc nhóm nghiệp dị thời — 11

Sáu duyên thuộc nhóm nghiệp dị thời — 9

[ပ]

Thường cận y — 12

Các pháp trợ bằng thường cận y — 10

Thường cận y (1) — 10

Hai mươi chín duyên — 59

Các pháp trợ bằng hậu sinh bất ly duyên — 8

Các pháp trợ thuộc nhóm hậu sinh — 11

Bốn duyên thuộc nhóm hậu sinh — 8

Lộ ngũ môn — 52

Sự sinh khởi và tồn tại của sắc trong lộ ngũ môn — 31

Năm uẩn hướng ngũ môn — 32

Sự sinh khởi và tồn tại của sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hướng ngũ môn — 35

Sự sinh khởi và tồn tại của sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hướng ngũ môn — 34

Danh uẩn hướng ngũ môn — 37

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn hướng ngũ môn và sắc do tâm ấy sinh — 32

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tốc hành sinh tiếu trong lộ ngũ môn — 82

Sắc do nghiệp sinh lúc tái tục — 13

Hai nhóm Paṭṭhāna — 2

Các pháp sinh đồng thời — 10

[ဖ]

Sự sinh khởi của 20 tốc hành quả trong quả định — 111

Lộ quả định, sự sinh khởi của 20 tốc hành quả liền sau đạo — 108

[ဘ]

Sắc uẩn hữu phần trong năm uẩn hữu phần — 20

Sự sinh khởi đồng thời với sát-na sinh của các tâm hữu phần — 20

Sự sinh khởi và tồn tại của sắc do thời tiết sinh và sắc do vật thực sinh đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần — 23

Sự sinh khởi và tồn tại của sắc do nghiệp sinh trong thời bình nhật đồng thời với các sát-na sinh, trụ và diệt của tâm hữu phần — 22

Có thể sinh đồng thời với sát-na trụ và diệt của các tâm hữu phần — 20

[ဗ]

Các pháp trợ bằng đạo duyên — 6

Điều gọi là tốc hành quả liền sau đạo — 112

Năm uẩn hướng ý môn, danh uẩn hướng ý môn — 67

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tốc hành sân và tốc hành si tại ý môn — 82

Danh uẩn tốc hành tham tại ý môn — 78

Danh uẩn tốc hành sinh tiếu tại ý môn — 85

Nhóm vật khi cận tử — 77

Danh uẩn tốc hành thiện đáo đại — 93

Lộ tốc hành thiện đáo đại — 92

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

Danh uẩn tốc hành duy tác đáo đại — 99

Danh uẩn tốc hành đại thiện không tương ưng trí — 72

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tốc hành đại thiện tương ưng trí đầu tiên tại ý môn — 69

Danh uẩn tốc hành đại thiện thứ hai trong lộ ngũ môn — 54

Năm uẩn tốc hành đại thiện đầu tiên trong lộ ngũ môn — —

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tốc hành đại thiện đầu tiên — —

Sắc uẩn tốc hành đại thiện đầu tiên — 50

Danh uẩn tốc hành đại duy tác — 87

Quả định tương ứng của chính mình — 112

Yathāraha, tùy theo sự thích hợp — 24

Dòng tương tục của các bậc A-la-hán — 83

[ဃ]

Các pháp trợ bằng sắc vật thực bất ly duyên — 9

[ရ]

Các pháp trợ thuộc nhóm sắc vật thực — 11

Ba duyên thuộc nhóm sắc vật thực — 9

Sự sinh khởi của tử sắc giới — 146

Các pháp trợ bằng sắc mạng quyền bất ly duyên — 9

Nhóm sắc mạng quyền — 12

Ba duyên thuộc nhóm sắc mạng quyền — 9

Sự sinh khởi của danh uẩn tái tục sắc giới — 138

Sự sinh khởi của hữu phần sắc giới — 142

Sắc pháp được trợ — 12

Các pháp trợ bằng vật-cảnh tiền sinh bất ly duyên — 6

[ဝ]

Các pháp trợ bằng vật tiền sinh bất ly duyên — 8

Các pháp trợ bằng vật tiền sinh quyền duyên — 8

Nhóm vật — 68

Các pháp trợ thuộc nhóm vật — 11

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

Sáu duyên thuộc nhóm vật — 8

Các pháp trợ bằng ly khứ duyên — 7

Các pháp trợ bằng quả duyên — 3

Các pháp trợ bằng bất tương ưng duyên — 4

Năm uẩn xác định, danh uẩn xác định, sắc do tâm sinh (sắc uẩn) — 47

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn xác định — 48

Chuỗi tâm quả Nhất lai — 111

[သ]

Năm uẩn quan sát, quan sát và sắc do tâm sinh — 44

Danh uẩn quan sát — 46

Lộ tốc hành thiện đáo đại nhập thiền chứng — 93

Năm uẩn tiếp nhận, sắc uẩn tiếp nhận — 41

Danh uẩn tiếp nhận — 43

Các pháp trợ bằng tương ưng duyên — 4

Bốn duyên câu sinh lớn — 2

Bảy duyên câu sinh nhỏ — 4

Bốn duyên câu sinh trung bình — 3

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn tâm đăng ký hữu nhân thứ nhất và sắc do tâm ấy sinh — 60

Danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân — 75

Sự sinh khởi và tồn tại của danh uẩn đăng ký đại quả hữu nhân — 61

[ဟ]

Chuỗi tâm quả Nhập lưu — 111

Suốt hành trình luân hồi — 121

[ဂဏန်းများ]

Ý vật (hadayavatthu) — 28

Các pháp trợ bằng nhân duyên — 4

Các pháp trợ gồm năm duyên — 36

Các pháp trợ gồm sáu duyên — 37

Các pháp trợ gồm chín duyên — 156

Các pháp trợ gồm mười hai duyên — 23, 35, 39

Chỉ mục các điểm cần ghi nhớ theo thứ tự chữ cái Miến

Mười hai chế định nghiệp tướng — 147

Mười bốn chế định nghiệp tướng — 156

Các pháp trợ gồm mười sáu duyên — 22, 34, 39

Các pháp trợ gồm hai mươi mốt duyên — 33, 48, 151, 153, 155

Các pháp trợ gồm hai mươi hai duyên — 42, 45, 64

Các pháp trợ gồm 22/25/27 duyên — 85, 87

Các pháp trợ gồm hai mươi bốn duyên — 21, 50, 60, 128, 131

Các pháp trợ gồm hai mươi lăm duyên — 14, 16, 37, 50, 84, 125

Hai mươi lăm chế định nghiệp tướng — 140, 143, 147

Các pháp trợ gồm 25/28/30/27 duyên — 69, 74, 88, 90

Các pháp trợ gồm hai mươi sáu duyên — 26, 28, 29, 93, 99, 133, 136, 145, 148

Các pháp trợ gồm 26/29/31 duyên — 78

Các pháp trợ gồm hai mươi bảy duyên — 18, 133, 141

Các pháp trợ gồm hai mươi tám duyên — 40, 43, 47, 52, 57, 77, 82, 104

Các pháp trợ gồm hai mươi chín duyên — 55, 108

Các pháp trợ gồm ba mươi duyên — 62, 76, 113